

Tác Giả và Tác Phẩm

T.T. Kh (I)

Tiểu sử

Tác phẩm



chân dung Vân Dương Thanh
tranh Bùi Xuân Phái

Mục Lục

Suýt nữa không có Hai sắc hoa ti gôn - 2
Hai sắc hoa ti-gôn - Bài thơ thứ nhất
Đan áo cho chồng - Bài thơ cuối cùng
Hồi ức của nhà văn Ngọc Giao... - 7

Phụ đính I:

Huyền thoại T.T.Kh và Hai sắc hoa ty gôn – Thụy Khuê - 8
Tạ Thành Kính và nàng T.T.Kh – Thế Phong - 18
Chân dung nhà văn cùng thời T.T.Kh. - Vũ Bằng – 20
Dòng dư lệ - Nguyễn Bình - 23
Thâm Tâm và sự thật về T.T.Kh - - Nguyễn Vỹ - 25
Đã hơn 70 năm, T.T.Kh. và chuyện tình thơ....- Nguyễn Cẩm Xuyên - 30

Phụ đính II:

(bài viết xem thêm)

Giai nhân Hà thành tiết lộ về tác giả bài thơ 'Hai sắc hoa ti gôn' - 35

(Tìm bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Suýt nữa không có Hai sắc hoa ti gôn Khuyết danh

Cuối mùa thu năm 1937, tòa soạn báo Tiểu thuyết Thứ bảy nhận được bài thơ nhan đề Bài thơ thứ nhất, rồi sau đó ít ngày, nhận được một bài thơ nữa, nhan đề Hai sắc hoa ti gôn, đều của một tác giả ký tên T.T.Kh. Sau đó, tòa soạn không nhận được bài thơ nào nữa của T.T.Kh, cũng không biết tác giả này ở đâu.

Sau khi báo đăng hai bài thơ, làng văn xôn xao lắm, nhưng không hề thấy T.T.Kh liên hệ với tòa soạn. Có mấy người đã nhất quyết, T.T.Kh chính là người yêu của mình, nhưng chẳng ai đưa ra được chứng cứ thuyết phục. Tác giả T.T.Kh vô hình vô ảnh trong cuộc đời, nhưng thơ của bà được giới phê bình luận bàn náo nhiệt (và không hiểu sao mọi người đã tin chắc ngay rằng T.T.Kh là nữ giới). Đương thời, có người không ngần ngại đánh giá đó là những áng thơ tuyệt tác, nhất là bài Hai sắc hoa ti gôn.

Về những ý kiến cho hai bài thơ đầu tiên đó của T.T.Kh là kiệt tác thì tác giả Thi nhân Việt Nam đã nói rõ quan điểm của mình: “Nói thế đã đành là quá lời, nhưng trong hai bài thơ ấy cũng có những câu thơ xứng đáng với vẻ lâm ly của câu chuyện. Cô bé T.T.Kh yêu...”. Có lẽ, với cách đánh giá như vậy nên Hoài Thanh và Hoài Chân đã không chọn in thơ T.T.Kh vào tập Thi nhân Việt Nam... Tuy vậy, thực tế đời sống văn chương Việt Nam hơn 70 năm qua, T.T.Kh luôn được độc giả mến mộ, nhất là đối với bài Hai sắc hoa ti gôn. Dường như càng trải thêm thời gian, bài thơ này càng biểu lộ vẻ đẹp đặc biệt, càng có sức sống lạ lùng. Chúng tôi nghĩ, nếu có cuộc điều tra tỷ mỉ để tìm hiểu những bài thơ Việt Nam nào trong 70 năm qua được bạn đọc yêu mến nhiều nhất, thì chắc sẽ có cả Hai sắc hoa ti gôn.

Chúng tôi phải trình bày lại sự ra đời và giá trị của bài thơ Hai sắc hoa ti gôn trong đời sống văn chương nước ta như vậy để chúng ta ý thức rằng: nếu không có bài thơ Hai sắc hoa ti gôn, trong đời sống văn chương nước ta sẽ có sự thiệt thòi lắm! Và trên thực tế, việc đó đã suýt nữa xảy ra. Mà mãi đến năm 1990 chúng tôi mới biết việc ấy...

Năm 1990, nhà văn Ngọc Giao lên thượng thọ, 80 tuổi. Ông nguyên là Thư ký tòa soạn của báo Tiểu thuyết Thứ bảy. Có một tâm sự ông giữ mãi trong lòng hơn nửa thế kỷ, khi vào tuổi 80 mới thổ lộ với bạn bè tâm giao. Rằng đó là một buổi trưa, cuối mùa thu năm 1937, ở tòa soạn báo Tiểu thuyết Thứ bảy. Những đồng nghiệp trong tòa soạn đã về nghỉ gần hết, chỉ còn lại Trúc Khê Ngô Văn Triện và Ngọc Giao. Trúc Khê Ngô Văn Triện còn nán lại để dịch Truyền kỳ mạn lục của Nguyễn Dữ ra quốc ngữ. Ngọc Giao thì đã tiến đến chỗ mặc áo để lấy mũ và ra về. Nhưng đúng lúc đó có tiếng kèn đám ma. Đám tang đang đi qua phố Hàng Bông. Ngọc Giao là người rất sợ nghe tiếng kèn đám ma, nên ông mới nán lại thêm cho xe tang đi qua đã. Đã khoác áo, đội mũ chỉnh chu, ông không muốn quay vào phòng trong mà kéo ghế ngồi tạm lại chỗ gần cửa, gần nơi để cái sọt đựng giấy loại. Không biết điều gì xui khiến, ông đưa tay vào sọt giấy loại, nhặt lên mấy tờ bị vo tròn và quăng vào đó chờ đi đổ xe rác. Tẩn mẩn, ông vuốt một tờ ra và đọc. Đó là một tờ giấy học trò khổ nhỏ. Một bài thơ. Chữ viết bằng bút chì nguệch ngoạc, nét run, nét mờ, như thể viết ra một lần là xong và gửi luôn cho tòa báo. Lệ của báo là bài lai cáo phải viết trên một mặt giấy sạch sẽ. Còn bài thơ nét chữ bút chì này lại viết trên cả hai mặt giấy. Nhưng bài thơ đã khiến Ngọc Giao xúc động lạ thường, đó là Hai sắc hoa ti gôn của T.T.Kh. Và ông đã ngồi lặng đi trong mối rung cảm đặc biệt. Rồi ông bước vội đến đưa bài thơ cho Trúc Khê, yêu cầu đọc ngay. Trúc Khê Ngô Văn Triện thấy Ngọc Giao đang quá xúc động, cũng bỏ bút, cầm đọc bài thơ. Và ông cũng ngồi lặng đi, rồi đọc lại lần nữa. Ông già Trúc Khê vỗ tay xuống bàn, nói với Ngọc Giao: “Sao lại có bài thơ tuyệt đến thế này...!” Rồi ngay sau

đó, Ngọc Giao gọi ông cai thợ sắp chữ nhà in lên, bảo sắp chữ ngay bài thơ ấy cho số báo sắp ra. Vậy là Hai sắc hoa ti gôn đi vào đời sống thơ ca Việt Nam...

Kể câu chuyện tâm sự mấy mươi năm xưa cũ, nhà văn Ngọc Giao còn cầm bút ghi vào cuốn sổ lưu niệm của một bạn văn cùng thời là nhà văn Phạm Văn Kỳ cũng từng làm thư ký tòa soạn tuần báo Tiểu thuyết Thứ năm. Những dòng lão nhà văn Ngọc Giao ghi vào sổ lưu bút của lão nhà văn Phạm Văn Kỳ có đoạn: "... Bài thơ ra đời trong hoàn cảnh bị bỏ rơi sọt rác như vậy đó. Nó càng được bạn đọc nhắc đến bao nhiêu, tôi càng ân hận về lỗi làm ăn cầu thả, sơ xuất bấy nhiêu... Nếu không có cái đám ma qua phố thổi kèn rầu rĩ đó thì tôi đã đội mũ lên đầu, không cúi xuống sọt rác... thì đóa hải đường Hai sắc hoa ti gôn đành an phận nằm trong đó, rồi người ta mang đi theo thường lệ, người ta phóng lửa đốt cả... Trong đó, rất có thể cả những áng văn hay mà cái anh thư ký tòa soạn quan liêu, nhác lười, cầu thả đã ném đi!..."

Vậy đây, câu chuyện pha chút hài hước "nếu không có cái đám ma qua phố..." lại là một tâm sự canh cánh trong lòng nhà văn Ngọc Giao suốt 53 năm trời. Vì thế nhị, nhà văn Trúc Khê Ngô Văn Triện cũng giữ kín suốt đời câu chuyện này. Nghĩ rằng, chuyện có thể hữu ích với nghề báo chí văn chương hôm nay, chúng tôi đã xin phép nhà văn Phạm Văn Kỳ và mạo phép nhà văn quá cố Ngọc Giao viết ra trong bài này. Chúng tôi cũng muốn được khép lại bài viết này bằng mấy dòng di bút cao thượng của lão nhà văn Ngọc Giao viết mùa thu năm 1990: "Tôi xin cúi đầu nhận lỗi đã có hành vi bất kính đối với một tài năng văn học. Tôi xin bà mãi xa cho tôi nếu bà đã qua đời, cũng miễn thứ cho tôi nếu bà còn ở cõi thế gian này với mái tóc cũng bạc trắng như tôi, như tất cả chúng ta cùng chung thế hệ đoạn trường văn bút".

Hai sắc hoa ti gôn

Một mùa thu trước, mỗi hoàng hôn
Nhặt cánh hoa rơi chẳng thấy buồn
Nhuộm ánh nắng tà qua mái tóc
Tôi chờ người đến với yêu đương

Người ấy thường hay ngấm lạnh lòng
Dài đường xa vút bóng chiều phong
Và phương trời thắm mờ sương cát
Tay vít dây hoa trắng chạnh lòng

Người ấy thường hay vuốt tóc tôi
Thờ dài trong lúc thấy tôi vui
Bảo rằng: hoa giống như tim vỡ
Anh sợ tình ta cũng vỡ thôi

Thuở đó nào tôi đã hiểu gì
Cánh hoa tan tác của sinh ly
Cho nên cười đáp: Màu hoa trắng
Là chút lòng trong chẳng biến suy

Đâu biết lần đi một lối làng
Dưới trời đau khổ chết yêu đương
Người xa xăm quá, tôi buồn lắm!
Trong một ngày vui pháo nhuộm đường

Từ đây thu rồi, thu lại thu
Lòng tôi còn giá đến bao giờ
Chồng tôi vẫn biết tôi thương nhớ
Người ấy, cho nên vẫn hững hờ

Tôi vẫn đi bên cạnh cuộc đời
Ái ân lạt lẽo của chồng tôi
Mà từng thu chết, từng thu chết
Vẫn giấu trong tim bóng một người

Buồn quá! Hôm nay xem tiểu thuyết
Thấy ai cũng ví cánh hoa xưa
Nhưng hồng, tựa trái tim tan vỡ
Và đỏ như màu máu thấm pha

Tôi nhớ lời người đã bảo tôi
Một mùa thu trước rất xa xôi
Đến nay tôi hiểu thì tôi đã
Làm lỡ tình duyên cũ mất rồi

Tôi sợ chiều thu phớt nắng mờ
Chiều thu, hoa đỏ rụng chiều thu
Gió về lạnh lẽo, chân mây trắng
Người ấy sang sông đứng ngóng đò

Nếu biết rằng tôi đã lấy chồng
Trời ơi, người ấy có buồn không?
Có thầm nghĩ tới loài hoa vỡ
Tựa trái tim phai, tựa máu hồng

(Tiểu thuyết thứ bảy - 1937)

Bài thơ thứ nhất

Thuở ấy lòng tôi thơ thới quá
Hồn thơ nguyên vẹn một trời hương
Nhưng nhà nghệ sĩ từ đâu lại
Êm ái trao tôi một vết thương

Tại ác ngờ đâu gió lại qua
Làm kinh giấc mộng những ngày hoa
Thổi tan âm điệu du dương trước
Và tiễn người đi bến cát xa

Lại ở vườn Thanh có một mình
Tôi yêu gió lạnh lúc tàn canh
Yêu trăng lặng lẽ rơi trên áo
Yêu bóng chim xa nắng lướt mảnh

Và một ngày kia tôi phải yêu
Cả chồng tôi nữa lúc đi theo
Những cô áo đỏ sang nhà khác
Gió hời làm sao lạnh rất nhiều

Từ đây không mong không dám hẹn
Một lần gặp nữa dưới trăng nghiêm
Nhưng tôi vẫn chắc nơi trời lạ
Người ấy ghi lòng vẫn nhớ em

Đang lúc lòng tôi muốn tạm yên
Thì ai đem lại cánh hoa tim
Cho tôi ép nốt dòng dư lệ
Nhỏ xuống thành thơ khóc chút duyên

Đẹp gì một mảnh tình tan vỡ
Đã bọc hoa tàn dấu xác xơ
Tóc úa giết dần đời thiếu phụ
Thì ai trông ngóng chẳng nên chờ

Viết đoạn thơ đầu lo ngại quá
Vì tôi vẫn nhớ hẹn ngày xưa
"Cố quên đi nhé cảm và nín
Đừng thở than bằng những giọng thơ"

Tôi run sợ viết lặng im nghe
Tiếng lá thu khô xiết mặt hè
Tưởng tượng chân người len lén đến
Nhưng lòng nào dám hẹn ai về

Tuy thế tôi tin vẫn có người
Thiết tha đeo đuổi mãi than ôi
Biết đâu tôi một tâm hồn héo
Bên cạnh chồng nghiêm luống tuổi rồi

(Tiểu thuyết thứ bảy - 1937)

Đan áo cho chồng

Chị ơi nếu chị đã yêu
Đã từng lỡ hái ít nhiều đau thương
Đã xa hẳn quãng đời hương
Đã đem lòng gửi gió sương mịt mù

Biết chẳng chị, mỗi mùa Đông
Đáng thương những kẻ có chồng như em
Vẫn còn thấy lạnh trong tim
Đan đi đan lại áo len cho chồng

Như con chim hót trong lồng
Hạt mưa đã rụng bên sông bờ thò
Lưng trời nổi tiếng tiêu sơ
Hay đâu gió đã sang bờ ly tan

Tháng ngày miễn cưỡng em đan
Kéo dài một chiếc áo len cho chồng
Như con chim hót trong lồng
Tháng ngày thương tiếc cánh hồng nơi nao

Ngoài trời hoa nắng xôn xao
Ai đem khoá chết chim vào lồng nghiêm
Ai đem lễ giáo giam em
Sống hờ trợn kiếp trong duyên trái đời

Lòng em buồn lắm chị ơi !
Trong bao giờ vực với lời mĩa mai
Quang cảnh lạ, tháng ngày dài
Đêm đêm nghĩ đến ngày mai giạt mình.

(Phụ nữ thời đàm - 1937)

Bài thơ cuối cùng

Anh ạ, tháng ngày mau quá nhỉ !
Một mùa thu cũ một lòng đau
Ba năm ví biết anh còn nhớ
Em đã cầm lời có nói đâu

Đã lỡ thôi rồi chuyện biệt ly
Càng khơi càng thấy lụy từng ly
Trách ai đem cánh "ti-gôn" ấy
Mà viết tình em được ích gì ?

Chỉ có ba người đọc thơ riêng
Bài thơ "đan áo" của chồng em
Bài thơ đan áo nay rao bán
Cho khắp người đời thóc mách xem

Là giết đời nhau đấy biết không ?
Dưới giàn hoa máu tiếng mưa rung
Giận anh tôi viết dòng dư lệ
Là chút dư hương điệu cuối cùng

Từ nay anh hãy bán thơ anh
Và để yên tôi với một mình
Những cánh hoa lòng, hừ đã ghét
Thì đem mà đổi lấy hư vinh

Ngang trái đời hoa đã úa rồi
Từng mùa gió lạnh sắc hương rơi
Buồng nghiêm thơ thần hồn eo hẹp
Đi nhớ người, không muốn nhớ lời

Tôi oán hờn anh mỗi phút giây
Tôi run sợ viết bởi rồi đây
Nếu không yên được thì tôi chết
Đêm hơi, làm sao tối thế này !

Năm lại, năm qua cứ muốn yên
Mà phương trời nhớ chẳng làm quên
Và người vỡ lẽ duyên thâm kín
Lại chính là anh, anh của em

Tôi biết làm sao được hơi trời!
Giận anh không nở nhớ không thôi
Mưa buồn mưa hắt trong lòng ướt
Sợ quá đi anh, có một người...

(Tiểu thuyết thứ bảy - 1938)

Hồi ức của nhà văn Ngọc Giao về bài thơ Hai sắc hoa ti gôn

Ngọc Giao sinh ngày 5 tháng 5 năm 1911 tại Huế trong một gia đình trung lưu. Quê quán ông ở huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

Năm 7 tuổi, ông theo gia đình ra Bắc, học ở Quảng Yên rồi Hà Nội. Sau khi đỗ bằng Thành chung (1928), ông ra làm báo và viết văn.

Từ năm 1934 cho đến năm 1945, ông là một trong số cây bút chuyên viết truyện ngắn cho báo Tiểu thuyết thứ Bảy (rồi từng làm Thư ký tòa soạn cho báo này), và cộng tác với nhà xuất bản Tân Dân trong việc in ấn các loại sách báo: Tiểu thuyết thứ Bảy, Những tác phẩm hay, Phổ thông bán nguyệt san, Tao đàn, Truyền bá.

Sau 1954, hầu như ông ngừng viết.

Nhà văn Ngọc Giao mất ngày 8 tháng 7 năm 1997 tại Hà Nội, thọ 86 tuổi.

Có một tâm sự mà nhà văn Ngọc Giao giữ mãi trong lòng hơn nửa thế kỷ. Đó chính là hoàn cảnh ra đời của bài thơ Hai sắc hoa ti gôn. Ông kể rằng vào một buổi trưa, cuối mùa thu năm 1937, ở toà soạn báo Tiểu thuyết Thứ bảy, khi những đồng nghiệp trong toà soạn đã về nghỉ gần hết, chỉ còn lại Trúc Khê, Ngô Văn Triện và ông. Trúc Khê Ngô Văn Triện còn nán lại để dịch Truyền kỳ mạn lục của Nguyễn Dữ ra quốc ngữ. Còn ông thì đã tiến đến chỗ mắc áo để lấy mũ và ra về. Nhưng đúng lúc đó có tiếng kèn đám ma.

Đám tang đang đi qua phố Hàng Bông, ông là người rất sợ nghe tiếng kèn đám ma, nên ông mới nán lại thêm cho xe tang đi qua đã. Đã khoác áo, đội mũ chỉnh chu, ông không muốn quay vào phòng trong mà kéo ghế ngồi tạm lại chỗ gần cửa, gần nơi để cái sọt đựng giấy loại. Không biết điều gì xui khiến, ông đưa tay vào sọt giấy loại, nhặt lên mấy tờ bị vo tròn và quăng vào đó chò đi đổ xe rác. Tẩn mẩn, ông vuốt một tờ ra và đọc.

Đó là một tờ giấy học trò khổ nhỏ. Một bài thơ. Chữ viết bằng bút chì nguệch ngoạc, nét run, nét mờ, như thể viết ra một lần là xong và gửi luôn cho toà báo. Theo quy định của báo là bài lai cỏ phải viết trên một mặt giấy sạch sẽ. Còn bài thơ nét chữ bút chì này lại viết trên cả hai mặt giấy. Nhưng bài thơ đã khiến ông xúc động lạ thường, đó là Hai sắc hoa ti gôn của T.T.Kh. Và ông đã ngồi lặng đi trong mối rung cảm đặc biệt. Rồi ông bước vội đến đưa bài thơ cho Trúc Khê, yêu cầu đọc ngay. Trúc Khê thấy ông đang quá xúc động, cũng bỏ bút, cầm đọc bài thơ. Và Trúc Khê cũng ngồi lặng đi, rồi đọc lại lần nữa. Ông già Trúc Khê vỗ tay xuống bàn, nói với ông: “Sao lại có bài thơ tuyệt đến thế này...!” Rồi ngay sau đó, Ngọc Giao gọi ông cai thợ sắp chữ nhà in lên, bảo sắp chữ ngay bài thơ ấy cho số báo sắp ra.

Vậy là Hai sắc hoa ti gôn đi vào đời sống thơ ca Việt Nam...

Kể câu chuyện tâm sự mấy mươi năm xưa cũ, nhà văn Ngọc Giao còn cầm bút ghi vào cuốn sổ lưu niệm của một bạn văn cùng thời là nhà văn Phạm Văn Kỳ cũng từng làm thư ký toà soạn tuần báo Tiểu thuyết Thứ năm. Những dòng lão nhà văn Ngọc Giao ghi vào sổ lưu bút của lão nhà văn Phạm Văn Kỳ có đoạn:

“... Bài thơ ra đời trong hoàn cảnh bị bỏ rơi sọt rác như vậy đó. Nó càng được bạn đọc nhắc đến bao nhiêu, tôi càng ân hận về lỗi làm ăn cầu thả, sơ xuất bấy nhiêu... Nếu không có cái đám ma qua phố thổi kèn rầu rĩ đó thì tôi đã đội mũ lên đầu, không cúi xuống sọt rác... thì đoá hải đường Hai sắc hoa ti gôn đành an phận nằm trong đó, rồi người ta mang đi theo thường lệ, người ta phóng lửa đốt cả... Trong đó, rất có thể cả những áng văn hay mà cái anh thư ký toà soạn quan liêu, nhác lười, cầu thả đã ném đi!...”.

Phụ đính I:

Huyền thoại TTKH và Hai sắc hoa ty gôn Thụy Khuê

Share on facebookShare on twitterShare on emailShare on printMore Sharing Services
Hai sắc hoa ty gôn, huyền thoại lãng mạn gắn bó với Thâm Tâm, một trong những nhà thơ tài hoa mệnh yếu thời tiền chiến. TTKh hay Thâm Tâm là người đầu tiên sử dụng hai chữ "*người ấy*" và đem hình ảnh "hoa ty gôn" vào trong thơ, như một hình tượng nghệ thuật mơ hồ và phiếm định về người tình và cuộc tình tan vỡ.



Hai loại ti gôn hồng và trắng

Trong những bài thơ tác giả ẩn danh hoặc ký tên nhưng không biết rõ người ấy là ai, *Hai sắc hoa ty gôn* và TTKh là một huyền thoại lãng mạn đã gây mỗi trắc ẩn cho nhiều thế hệ yêu thơ.

Câu chuyện bắt đầu cách đây 70 năm, ngày 27/9/1937 trên tuần báo Tiểu Thuyết Thứ Bảy, số 174 xuất bản tại Hà Nội, có đăng truyện ngắn *Hoa ty gôn* của Thanh Châu, nội dung kể lại mối tình tan vỡ của đôi trai gái ngày trước đã hò hẹn dưới giàn hoa ty gôn. Ít lâu sau, có người đàn bà trẻ, dáng dấp bé nhỏ, nét mặt u buồn, mang đến tòa soạn Tiểu Thuyết Thứ Bảy một phong bì dán kín, gửi cho ông chủ bút, trong có bài thơ *Hai sắc hoa ty gôn*, ký tên TTKh. Bài thơ *Hai sắc hoa ty gôn* được đăng trên Tiểu Thuyết Thứ Bảy số 179, ra ngày 30/10/1937, và sau đó còn ba bài nữa cũng ký tên TTKh được gửi bằng đường bưu điện đến tòa soạn :

- *Bài thơ thứ nhất*, Tiểu Thuyết Thứ Bảy số 182 (20/11/1937),

- *Đan áo cho chồng*, đăng trên Phụ Nữ Thời Đàm,

- *Bài thơ cuối cùng*, Tiểu Thuyết Thứ Bảy, số 217 (23/7/1938).

Bài thơ thứ nhất xuất hiện sau *Hai sắc hoa ty gôn* gần một tháng, và *Bài thơ cuối cùng* đăng tám tháng sau.



Ngay khi *Hai sắc hoa ty gôn* ra đời, giới văn nghệ sĩ đã xôn xao, thi sĩ J. Leiba, người cùng tâm sự với TTKh và là tác giả hai câu thơ nổi tiếng "*Người đẹp vẫn thường hay chết yếu. Thi nhân đầu bạc sớm hơn ai*", chép lại nguyên văn bài *Hai sắc hoa ty gôn* trên Ngọ Báo với lời mở đầu:

Anh chép bài thơ tự trái tim

Của người thiếu phụ lữ làng duyên

Lời thơ tuyệt vọng ca đau khổ

Yên ủi anh và để tặng em.

Nguyễn Bính sau khi đọc *Bài thơ thứ nhất* đã viết bài *Dòng dư lệ* để tặng TTKh, in lại trong tập *Lữ bước sang ngang* và *Thâm Tâm* có ba bài *Màu máu ti gôn*, *Dang dở* và *Gửi TTKh*, và nhiều thế hệ sau còn có những bài thơ khác sục sùi thương cảm cho số phận TTKh. Vậy TTKh là ai ?

Giọt lệ tương tư mới

Hai sắc hoa ty gôn mở đường cho một lối lãng mạn khác với lãng mạn Đông Hồ, Tương Phố. Có thể nói *Hai sắc hoa ty gôn* là *giọt lệ tương tư mới*, nơi TTKh, không phải là giọt lệ khóc chồng của Tương Phố, khóc vợ của Đông Hồ, mà là giọt lệ *khóc cho tình yêu*, hơn thế nữa,

khóc *người tình* ngoài hôn nhân, một đối tượng tự do, phóng khoáng, vượt khỏi khuôn khổ lễ giáo thời bấy giờ. Và lần đầu tiên hai chữ *người ấy* được chính thức đưa vào thi ca, sau này nó sẽ trở thành "cổ điển", trở thành ngôn ngữ gối đầu giường của giới trẻ trong nhiều thế hệ :

Một mùa thu trước, mỗi hoàng hôn

....

Tựa trái tim phai, tựa máu hồng ? (1)

Người ấy

Trong văn xuôi Việt Nam , hai chữ *người ấy* đã được Nguyễn Trọng Quản dùng để chỉ *người tình* trong truyện ngắn *Thầy Lazaro Phiền* từ 1887. Vậy Nguyễn Trọng Quản là người đầu tiên đưa danh từ *Người ấy* vào trong văn Việt. Và Thanh Châu xướng lên hình ảnh *hoa ty gôn* trong truyện ngắn đăng trước bài thơ của TTKh một tháng, trên Tiểu Thuyết Thứ Bảy.

Nhưng TTKh là người đầu tiên sử dụng hai chữ "người ấy" và hình ảnh "hoa ty gôn" vào thơ, như một hình tượng nghệ thuật mơ hồ và phiếm định về người tình và cuộc tình tan vỡ. Về mặt tâm lý xã hội, người đàn bà có chồng những năm 36 - 37, mấy ai dám nói đến người tình một cách công khai ? TTKh đã viết nên những lời tâm sự của bao nhiêu người đàn bà cùng cảnh ngộ ngang trái, sống trong xã hội Khổng Mạnh đầu thế kỷ :

Tôi vẫn đi bên cạnh cuộc đời

Ái ân lạt lẽo của chồng tôi,

Mà từng thu chết, từng thu chết,

Vẫn giấu trong tim bóng "một người".

TTKh là ai ?

Trong *Bài thơ thứ nhất*, in sau *Hai sắc hoa ty gôn* hai tháng, có những yếu tố xác định rõ hơn về cuộc tình này :

Ở lại vườn Thanh có một mình

Tôi yêu gió rụng lúc tàn canh

Yêu trăng lặng lẽ rơi trên áo

Yêu bóng chim xa nắng lướt màn.

và nhất là hai câu cuối :

Biết đâu tôi một tâm hồn héo

Bên cạnh chồng nghiêm luống tuổi rồi.

Vườn Thanh và chồng nghiêm là hai yếu tố gây tranh luận về nơi xảy ra cuộc tình và tên người

chồng. Vườn Thanh ở đâu? Có phải ở Thanh Hóa không? Và người chồng của TTKh tên là gì ?
Có phải là Nghiêm không ?

Đến bài thơ thứ ba, bài *Dan áo cho chồng*, lời thơ xa xót đầy nước mắt :

Ngoài trời mưa gió xô xao

Ai đem khóa chết chim vào lồng nghiêm

Ai đem lễ giáo giam em

Sống hờ trợn kiếp trong duyên trái đời.

Và *Bài thơ cuối cùng* có những câu gần như khó hiểu:

Trách ai mang cánh "ti gôn" ấy

Mà viết tình em được ích gì ?

Bởi nếu TTKh là người đem chuyện của mình ra viết thành thơ, thì tại sao nàng lại *trách ai* ?
Vậy *ai* đây là ai ? Nàng trách chính nàng hay nàng trách người yêu? Nhất là đoạn sau, lời hờn giận càng thêm gay gắt:

Là giết đời nhau đấy biết không ?

Dưới giàn hoa máu tiếng mưa rung

Giận anh em viết dòng dư lệ

Là chút dư hương điệu cuối cùng.

Tất cả những lời trách móc u uẩn này với nhịp điệu du dương, lời thơ tha thiết, gần bó, *làm cho toàn bộ tác phẩm trở thành huyền thoại.*

Nếu so sánh 4 bài thơ ký tên TTKh và 3 bài thơ "trả lời" của Thâm Tâm in trên *Tiểu Thuyết Thứ Bảy* sau đó, người ta có thể mở được những nắp cửa đầu tiên vào những bí ẩn này. Bài *Gửi TTKH* của Thâm Tâm có những câu sau đây:

Tiếng xe trong vết bụi hồng

Nàng đi thướt ấy nhưng trong khói mờ

Tiếng xe trong xác pháo xưa,

Nàng đi có bốn bài thơ trở về

Tiếng xe mở lối vu qui

Nay là tiếng khóc nàng chia cuộc đời!

Miệng chồng, Khánh gắn trên môi

Hình anh, mắt Khánh sáng ngời còn mơ.

Từ ngày đàn chia đường tơ

Sao tôi không biết hững hờ nàng đan

Kéo dài một chiếc áo len

Tơ càng đứt mối, nàng càng nổi dây.

Nàng còn gỡ mãi trên tay,

Thì tơ duyên mới đã thay hẳn màu.

Góp hai thứ tóc đôi đầu,

Sao còn đan nổi những câu tâm tình?

Khánh ơi còn hỏi gì anh?

Lá rơi đã hết màu xanh màu vàng."

Thâm Tâm nhắc đến người yêu tên Khánh. Vậy TTKh là gì ? Có phải là những chữ Thâm Tâm - Khánh, viết tắt ? Hay là Tuấn Trinh - Khánh (vì Thâm Tâm tên thật là Nguyễn Tuấn Trinh). Hay TTKh là Trần Thị Khánh, người yêu của Thâm Tâm ?

Có thể nói hầu hết những nhà biên khảo từ Hoài Thanh, Hoài Chân, trong *Thi Nhân Việt Nam* (1940), Phạm Thế Ngũ trong *Việt Nam Văn Học Sử Giản Ước Tân Biên* (1965), Nguyễn Hữu Long, Nguyễn Tấn Trọng trong *Việt Nam Thi Nhân Tiền Chiến* (1968) ... và gần đây trong *Tuyển Tập Thơ Mới 1932-1945 Tác Giả và Tác Phẩm* do Lại Nguyên Ân và Ý Nhi tập hợp phát hành năm 1992, tất cả đều đánh dấu hỏi về TTKh.

Lập luận của Nguyễn Tấn Long và Nguyễn Hữu Trọng

Nguyễn Tấn Long và Nguyễn Hữu Trọng là hai nhà biên khảo đầu tiên có ý tìm hiểu kỹ nhất về cái mà hai ông gọi là "*Nghi án TTKh và Thâm Tâm*". Trong bộ *Việt Nam Thi Nhân Tiền Chiến*, hai ông đưa ra những nhân chứng và những giả thuyết đã xuất hiện trên báo chí, văn đàn từ năm 38 đến 68 của các ông Giang Tử, Thạch Hồ, Y Châu, Nguyễn Bá Thế, Lê Công Tâm, Anh Đào. Người thì cho rằng TTKh chính là Thâm Tâm. Người lại quả quyết TTKh là Trần Thị Khánh, người yêu của Thâm Tâm.

Ông Giang Tử thuật lại cuộc gặp gỡ với nhà thơ Tế Hanh vào tháng 11 năm 1944 trên chuyến xe đi Quảng Ngãi: "Tế Hanh cho biết TTKh chính là Trần Thị Khánh, người em gái đồng tông với mình ở Thanh Hoá và kể rõ thiên tình hận của nàng và thi sĩ Thâm Tâm. Giả thuyết này không đứng vững vì Tế Hanh không phải người Thanh Hoá mà Quảng Ngãi và vườn Thanh trong bài thơ không chắc đã là Thanh Hoá.

Ông Thạch Hồ và ông Y Châu đều cho biết: TTKh là nhân vật có thật, đã đôi ba lần đến thăm thi sĩ Thâm Tâm ở Khâm Thiên, lúc ông này ở chung với Nguyễn Bính và Trần Huyền Trân (giả thuyết này phù hợp với lời tường thuật của Nguyễn Vỹ sau này).

Ông Nguyễn Bá Thế, tức nhà văn Thế Nguyên lại xác định: TTKh chính là nhà văn Thẩm Thệ Hà, có tên thật là Tạ Thành Kính, TT là Tạ Thành còn K và H là chữ Kính viết tắt. Việc này bị Thẩm Thệ Hà phủ định hoàn toàn.

Nhưng có ba giả thuyết đáng chú ý :

- Trên tạp chí Giáo Dục Phổ Thông, số 49, ra ngày 1/11/1959, tại Sài Gòn, ông Lê Công Tâm cho biết: TTKh chính là thi sĩ Thâm Tâm, người đã dàn cảnh một thiếu phụ bị ép duyên, khóc tinh dang dở bằng những bài thơ *Hai sắc hoa ty gôn* và *Bài thơ thứ nhất*.

- Báo Sống ra ngày 15/4/1967, ông Nguyễn Tố, xác định đã sống chung với Thâm Tâm năm 1936, cùng với Trần Huyền Trân, Vũ Trọng Can. Thâm Tâm có mấy bài thơ ký tên TTKh như bài *Hai sắc hoa ty gôn*. Lúc đó Khánh là người mà Thâm Tâm yêu say đắm, lúc Khánh đi lấy chồng, Thâm Tâm đau khổ gần như phát điên. Lũ chúng tôi vừa giễu cợt, vừa khuyên lơn.. Chính trong thời gian thất tình, Thâm Tâm viết được mấy bài thơ ký tên TTKh.

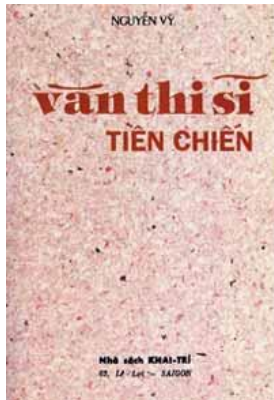
- Nhưng trong báo Nhân Loại, bộ mới số 108 ra tháng 7 năm 1958 tại Sài Gòn, ông Anh Đào lại đưa ra một thoại mới mà thoại này, theo ông, do chính Thâm Tâm kể lại. Ông Anh Đào kể rằng: Năm 1941, trong một đêm thu lạnh lẽo, ông được ngồi giữa hai nhà thơ Nguyễn Bính và Thâm Tâm bên một bàn đèn thuốc phiện và chính ông được nghe Thâm Tâm tâm sự. Thâm Tâm nói rằng: TTKh.. là tên một thiếu phụ mà trước kia tôi yêu. Và Thâm Tâm xác định những bài thơ đăng trên báo là của *nàng*, và ông Anh Đào kết luận rằng Thâm Tâm xứng đáng là "người ấy" của TTKh.

Sau khi đưa ra các luận chứng và giả thuyết trên đây, Nguyễn Tấn Long và Nguyễn Hữu Trọng, tác giả *Việt Nam Thi Nhân Tiền Chiến*, kết luận :

TTKh. không thể là sản phẩm tưởng tượng của Thâm Tâm vì đó là nỗi lòng tha thiết của một người, với những vần thơ lâm ly như thế thì người khác không thể viết thay được. Vậy Thâm Tâm là Thâm Tâm và TTKh là TTKh. Hai người có thể là đôi tri kỷ nhưng không thể cùng là một người. Các tác giả *Việt Nam Thi Nhân Tiền Chiến* muốn đóng hồ sơ nghi án trên một huyền thoại.

Sự xác định của Nguyễn Vỹ

Nguyễn Vỹ là một trong những nhà thơ tiên phong trong phong trào Thơ Mới. Năm 1970, khi Nguyễn Vỹ xuất bản cuốn *Văn Thi Sĩ Tiền Chiến* tại Sài Gòn, thì ông đã đưa sự thực về Thâm Tâm và TTKh ra ánh sáng.



19.— *Thâm-Tâm* và *Sự thật về T. T. Kh.*

Năm 1936-37, có xuất hiện ở phố Chợ-Hôm, ngoại-Hà Nội, một nhóm văn-sĩ trẻ với bút hiệu là Trần-Huyền-Trần, Thâm-Tâm và một vài người khác nữa. Ít ai để ý đến họ. Có lẽ vì họ là những người còn quá trẻ: Huyền-Trần và Thâm-Tâm đều mới 18, 19 tuổi, và mới bắt đầu viết văn, chưa có gì đặc-sắc. Lớp văn-sĩ đi trước không chú ý đến họ.

Nhưng họ để thương, vui-vẻ, hồn-nhiên, so-phần ở một vị-tri khiêm-hèn, chẳng thân với ai, cũng chẳng làm phiền lòng ai. Họ sống một thế-giới riêng của họ, không chung đống với những nhóm đã nổi tiếng ở nhiều trong làng Văn, làng Báo lúc bấy giờ.

Họ có một tờ tuần báo nhỏ, tên là *Bắc-Hà* ở phố Chợ-Hôm, nơi đây họ làm văn-nghe với nhau, với họ tài tử hơn là chuyên nghiệp. Tờ báo *Bắc-Hà* bán không chạy lắm tuy có vài mục hài-hước vui nhờ mấy bức vẽ của Tuấn-Trình và nhiều cố gắng hòa-ban trên bình-diện văn-chương. Hàng-hái nhất và đóng vai chủ-động trong tuần báo *Bắc-Hà* là Trần-Huyền-Trần, Thâm-Tâm, biệt-hiệu của Tuấn-Trình, viết nhiều hơn là viết, thỉnh-thoảng đăng một vài bài thơ, vài mẩu chuyện ngắn. Đôi khi thấy xuất

Như chúng ta đã biết, sau Phan Khôi, Nguyễn Vỹ cùng với Lưu Trọng Lư, Nguyễn Thị Mạnh Mạnh, Thế Lữ là những người đã phát triển phong trào Thơ Mới. Nguyễn Vỹ và Mộng Sơn lập trường phái Bạch Nga, chủ trương cách tân thơ, chú trọng đến khía cạnh âm nhạc và hình thức xếp chữ trong thơ. Trường phái Bạch Nga bị Thế Lữ và Hoài Thanh đả kích kịch liệt, thơ Nguyễn Vỹ không được tiếp nhận đúng mức. Đánh giá thơ Nguyễn Vỹ là một vấn đề khác mà chúng tôi không đề cập đến trong bài này. Nguyễn Vỹ là bạn thân của Lan Khai, Lưu Trọng Lư, Trương Tửu và trong cuốn *Văn Thi Sĩ Tiên Chiến* ông đã vẽ lại chân dung 35 nhà văn, nhà thơ sinh hoạt trong không khí văn học từ đầu thế kỷ đến 1945. Một tư liệu quý cho những người nghiên cứu văn học.

Sau hơn 30 năm im lặng, 1970, một năm trước khi mất, Nguyễn Vỹ đã công bố những lời tâm sự của Thâm Tâm 22 năm sau khi Thâm Tâm qua đời trong bài viết *Thâm Tâm và sự thật về TTKh.* mà chúng tôi xin lược trình sau đây :

Năm 1936, 37 có xuất hiện ở phố Chợ Hôm, ngoại ô Hà Nội, một nhóm văn sĩ trẻ với bút hiệu là Trần Huyền Trân, Thâm Tâm và một vài người nữa. Ít ai để ý đến họ. Huyền Trân và Thâm Tâm đều mới 18, 19 tuổi. Họ có một tờ tuần báo nhỏ, tên là Bắc Hà ở phố Chợ Hôm. Chủ động trên tờ báo là Trần Huyền Trân. Báo Bắc Hà bán không chạy lắm, tuy có vài mục hài hước, vui, nhờ mấy bức vẽ của Tuấn Trình. Thâm Tâm là bút hiệu của Tuấn Trình. Tuấn Trình vẽ nhiều hơn viết, thỉnh thoảng đăng một bài thơ, vài mẩu truyện ngắn. Đôi khi thấy xuất hiện trên mặt báo vài ba bài thơ có tính cách ca dao, ái tình của Nguyễn Bính học sinh lớp nhất trường tiểu học Hà Đông. Nguyễn Bính thi rớt, nghỉ học luôn.

Tôi - tức là Nguyễn Vỹ - tuy không chơi thân, nhưng quen biết Trần Huyền Trân khá nhiều vì anh ta ở trọ một căn nhà trong ngõ Khâm Thiên, phía sau chợ. Tôi ở một gác trọ của đường Khâm Thiên, gần Ô Chợ Dừa. Đôi khi Trần Huyền Trân nhờ tôi viết bài cho tuần báo Bắc Hà "cho vui" vì không có tiền nhuận bút. Để tỏ tình thông của văn nghệ, tôi có viết một truyện ngắn khôi hài, và chỉ có một lần.

Trong một số báo đặc biệt Mùa Hè, Tuấn Trình có vẽ một cặp Bạch Nga bơi trên Hồ Hoàn Kiếm và ghi ở dưới "Nguyễn Vỹ và Mộng Sơn".

Tôi quen biết Tuấn Trình là do Trần Huyền Trân giới thiệu. Nhà anh ở Chợ Hôm, cách chợ độ ba, bốn trăm thước. Anh đẹp trai, y phục lúc nào cũng bánh bao, người có phong độ hào hoa, lịch thiệp. Tôi thấy ở Sài Gòn có anh Hoàng Trúc Ly, nhà văn, na ná giống Tuấn Trình về dáng điệu cũng như tính tình, tư cách. Nhiều khi gặp Hoàng Trúc Ly trên đường Bonnard Sài Gòn, tôi

quên lửng, cứ tưởng như gặp Tuấn Trình trên phố Chợ Hôm Hà Nội.

Một buổi chiều gần tối, Tuấn Trình đi lang thang gần chợ Khâm Thiên. Tôi từ Hà Nội về nhà, tôi tưởng anh đến Trần Huyền Trân, nhưng anh bảo: Thăng Huyền Trân nó đi đâu, không có nhà. Tôi rủ anh về gác trọ của tôi ở cuối phố. Hôm ấy, tôi có vài chục bạc trong túi, có thể làm một tiệc bánh giò chả lụa với Tuấn Trình. Tôi bảo anh ở lại ngủ với tôi cho vui. Đêm ấy cao hứng, Tuấn Trình ngà ngà say rượu Văn Điển, kể chuyện tình của anh với cô Khánh cho tôi nghe.

Câu chuyện tình

Trần Thị Khánh là một cô học trò lớp nhất trường tiểu học Sinh Từ. Thi hỏng, cô ở nhà giúp mẹ làm việc nội trợ. Nhà cô cũng ở đường Sinh Từ, ngay cạnh Thanh Giám, nơi đền thờ Khổng Tử.

Thanh Giám là một thắng cảnh Hà Nội, đã liệt vào cổ tích Việt Nam, xây cất từ đời nhà Lý, tu bổ cho tới đời nhà Lê, hình chữ nhật, xung quanh xây tường đá ong, cao độ hai thước Đền thì ở trong cùng, trước đền có Hồ Tròn, hai bên hồ có những tấm bia ghi tên các tiến sĩ đời nhà Lê. Vào Thanh Giám có cổng tam quan lớn, trước cổng có tấm bia đề hai chữ Hán "Hạ mã" và hai trụ cao. Trong vườn trồng rất nhiều cây cổ thụ và các cây kiểng, nơi đây rất yên tĩnh và mát mẻ, cũng là nơi các cặp trai gái hẹn hò tâm sự. Trước kia có một bầy quạ chiều tối bay về đây ngủ, cho nên người Pháp cũng gọi là Pagode des corbeaux. Chùa Quạ, ngoài danh từ lịch sử Temple de Confucius, Đền Khổng Tử.

Cô nữ sinh Trần Thị Khánh là một thiếu nữ đẹp. Tuấn Trình có một người cô, nhà ở phố Chợ Cửa Nam, gần Sinh Từ. Anh thường đến đây thăm cô và trông thấy cô Khánh đi chợ mỗi buổi sáng. Lúc ấy vào khoảng tháng 2 năm 1936, họa sĩ Tuấn Trình -tên gọi hồi đó- mới 19 tuổi, và cô Khánh 17 tuổi. Tuấn Trình mới bắt đầu vẽ và viết chút ít trong tờ tuần báo Bắc Hà của Trần Huyền Trân vừa xuất hiện.

Sau một vài tháng theo dõi, Tuấn Trình làm quen được với cô Khánh và gửi báo Bắc Hà tặng cô. Cô gái 17 tuổi, cảm mến người nghệ sĩ tài hoa, tình yêu chớm nở như cành hoa Antigone trắng cũng vừa chớm nở trong tháng đầu hè trước sân nhà cô.



Hoa ti gôn hồng (*antigonon leptopus*)
(Nguồn : Wikipedia/JM Garg)

Antigone là loại hoa của người Pháp đem qua hồi đầu thế kỷ, không thơm nhưng đẹp. Nó là loại hoa dây, lá giống như lá nho, cho nên ở miền Nam nhiều người gọi là hoa nho. Có hai loại : hoa trắng và hoa hồng. Hoa nở vào đầu mùa hè thành những chùm rất dễ thương, nụ hoa giống hình trái tim nho nhỏ. Ở Hà Nội người ta trồng rất nhiều và bán cũng rất nhiều ở chợ Đồng Xuân, cũng như ở Chợ Hoa, bờ hồ Hoàn Kiếm. Cắm nó vào lọ để phòng khách, nó

buông ra một vẻ lãng mạn, khả ái lắm. Người Bắc gọi tắt là hoa ty gôn. Ở phố Sinh Từ, antigone mọc rất nhiều, như trước sân nhà ông Nguyễn Văn Vĩnh và Nguyễn Nhược Pháp. Nhà trọ của Lưu Trọng Lư và Lê Tràng Kiều ở phố Hàm Long có cả một giàn hoa trắng và hồng. Nhưng mùa đông lá rụng, hoa tàn thì không cảnh nào tiêu sơ quạnh quẽ bằng.

Tình yêu của Tuấn Trinh và Trần Thị Khánh chớm nở ngay lúc những chùm hoa antigone vừa hé nụ, và chết giữa mùa đông năm đó, trong lúc giàn hoa ty gôn ứa tàn, rụng ngập đầy sân. Thời kỳ mơ mộng ngán ngủ trong mấy tháng hè, sang hết mùa thu, không đem lại chút thỏa mãn nào cho tâm hồn khao khát của Tuấn Trinh. Chính lúc này Tuấn Trinh lấy bút hiệu là Thâm Tâm. Một vài bài thơ tình thức đêm làm tặng cô Khánh. Nh ững bài thơ đầu tiên đăng trên tuần báo Bắc Hà đều ký là Thâm Tâm, nhưng các tranh vẽ trong báo vẫn ký Tuấn Trinh. Nhưng cô gái 17 tuổi, dè dặt, theo lễ giáo của gia đình, chưa thật bao giờ đáp ứng đúng với tình yêu tha thiết của Tuấn Trinh Thâm Tâm.

Trong lúc những cặp tình nhân trẻ trung dắt nhau đi du ngoạn khắp nơi thơ mộng ở Hà Nội và ngoại ô, thì Trần Thị Khánh cứ phất từ chối những lời mời của Thâm Tâm. Cô thường nói: "Thầy mẹ em *ngghiêm* lắm, gia đình em *ngghiêm* lắm." Lần nào cô Khánh cũng lặp lại chữ *ngghiêm* gia giáo ấy để trả lời kỳ vọng khao khát của người yêu. Chỉ được hai lần Khánh đến nơi hẹn, nhưng không được lâu. Lần thứ nhất, một đêm trăng, Khánh lén băng qua đường vào vườn Thanh Giám. Tuấn Trinh đã chờ người yêu nơi đây, dưới bóng cổ thụ. Nhưng cả hai cũng không nói được gì, Khánh run sợ. Tuấn Trinh bối rối, tất cả những lời lẽ bay bướm đã sắp sẵn, bây giờ quên hết. Cuối cùng lại trách móc nhau vì những chữ "Thầy mẹ em *ngghiêm* lắm" và rồi Khánh cũng vội vã chạy về nhà.. Lần thứ hai, vườn Thanh Giám đêm ấy cũng ngập ánh trăng thu. Nhiều người nói Thanh là Thanh Hóa, là hoàn toàn sai sự thật. Nhưng thái độ của Khánh lạ lùng, khó hiểu. Hình như Khánh muốn nói với Tuấn Trinh một điều gì, nhưng ngại ngùng không nói. Rồi nàng buồn bã hỏi: "*Anh định bao giờ đến xin thầy mẹ cho chúng mình ?*" Chàng họa sĩ bối rối trước câu hỏi bất ngờ. Chàng lơ đãng bảo: "*Anh chưa nghĩ đến việc ấy, vì...*" Câu chuyện bị bỏ dở nơi đây cho đến khi từ giã.

Hai người vẫn thư từ với nhau cho đến một hôm... Tuấn Trinh nhận được bức thư của người yêu, không, của người đã hết yêu, báo tin nàng sắp lấy chồng. Thư viết bằng mực tím, trên bốn trang giấy học trò, xé trong một quyển vở Nam Phương Hoàng hậu (loại vở học trò rất thông dụng lúc bấy giờ).

Đại khái trong thư Khánh nhắc lại tình yêu "thơ mộng" của cô với "người nghệ sĩ tài hoa son trẻ", đó là những chữ cô dùng trong thư. Tình yêu rất đẹp, nhưng vì thầy mẹ của cô rất "ngghiêm" theo lễ giáo, nên dù vị hôn phu của cô là một người chỉ mới biết sơ thô nhưng cô vẫn có "bổn phận phải giữ tròn chữ hiếu", cô than thở đời cô khổ nên tình duyên ngang trái, cô khóc suốt đêm, v.v... Cuối thư ký tắt Kh.

Tuy Khánh không viết gì về vị hôn phu và ngày cưới, nhưng sau dò hỏi, Tuấn Trinh được biết chồng Khánh là một nhà buôn giàu có ở phố Hàng Ngang, 39 tuổi, đẹp trai, góa vợ và không có con. (Trong câu thơ bên cạnh *chồng ngghiêm* luống tuổi rồi là chỉ sự cách biệt tương đối giữa tuổi 39 của người chồng và tuổi vị thành niên của Khánh). Tiệc cưới rất linh đình, rước dâu bằng 10 chiếc Citroën mới. Cô dâu đeo nữ trang rực rỡ, mặc chiếc áo màu đỏ tươi, lộng lẫy ngồi cạnh người chồng mặc áo gấm xanh.

Đêm trước hôm cô Khánh lên xe hoa, Thâm Tâm tổ chức tại tòa báo Bắc Hà một tiệc thịt chó, uống Mai quế lộ, mời Trần Huyền Trân, Nguyễn Bính và Vũ Trọng Can tham dự. Họ say sưa ngâm thơ, làm thơ, cười đùa cho đến khuya rồi lăn ra ngủ trên đất.

Trái với mọi dự đoán, Khánh rất hạnh phúc với chồng. Người đau khổ là Tuấn Trình Thâm Tâm. Vừa nhớ thương đơn phận, vừa bị mặc cảm của người nghệ sĩ nghèo bị người yêu bỏ rơi, lại còn bị mấy thằng bạn chế nhạo, đùa bỡn, nhất là Vũ Trọng Can. Vì một chút tự ái văn nghệ, Tuấn Trình đã thức suốt đêm, theo lời anh thuật lại, để làm bài thơ *Hai sắc hoa ty gôn*, ký tên TTKh, với thâm ý cho Trần Huyền Trân và Vũ Trọng Can tin là của Khánh làm ra để thương tiếc mỗi tình tan vỡ. Muốn giữ tính cách bí mật, Tuấn Trình nhờ cô em họ chép lại bài thơ trên, dán kín bao thơ và nhờ cô này mang thư đến tòa báo. Tất nhiên là giọng thơ lãng mạn của Tuấn Trình hoàn toàn khác với lời tâm sự trong bức thư cuối cùng của Khánh báo tin sắp lấy chồng. Cô Khánh không biết làm thơ. Và theo lời Tuấn Trình, cô ghét những bài thơ của Thâm Tâm. Sau khi nhận được bức thư cuối cùng của Khánh, trong thư Khánh tỏ ý không bằng lòng Tuấn Trình đã mượn tên cô để làm thơ kể chuyện tình duyên cũ trên báo, có thể làm hại đến cuộc đời của cô. Trong lá thư phản đối đó, Khánh xưng tôi chứ không xưng em nữa. Thâm Tâm lấy lại những lời, những chữ trách móc giận dữ của Khánh trong thư để làm *Bài thơ cuối cùng* ký tên TTKh, với những câu :

Trách ai mang cánh “ti gôn” ấy

Mà viết tình em được ích gì ?

Bài thơ đan áo nay rao bán

Cho khắp người đời thóc mách xem.

Là giết đời nhau đấy biết không ?

Dưới giàn hoa máu tiếng mưa rung

Giận anh em viết dòng dư lệ

Là chút dư hương điệu cuối cùng.

Từ nay anh hãy bán thơ anh

Còn để yên tôi với một mình

Rồi để đáp lại *Bài thơ cuối cùng*, Thâm Tâm làm bài *Dang dở* tặng TTKh, cũng là bài thơ kết thúc niềm đau của mỗi tình dang dở :

Nhưng anh biết cái gì xưa đã chết,

Anh càng buồn càng muốn kết thành thơ,

Mộng đang xanh, mộng hóa bơ phờ,

Đây bài thơ chót kính dâng tặng bạn.

Huyền thoại *Hai sắc hoa ti gôn*, sở dĩ được những tên tuổi nổi tiếng của thi ca đương thời phụ họa và đứng vững lâu dài trong lòng người đọc, bởi nó chở những đón đau chân thực của một người tình, dù viết dưới bàn tay trá hình Thâm Tâm. Và cũng nhờ tài năng của Thâm Tâm mà chúng ta có được hai hình tượng mới: *người ấy* và *hoa ty gôn*. Tính mơ hồ bóng gió của *người ấy* và cái chết thảm khốc của *Antigone* ẩn trong một chùm hoa nhỏ, xinh như mộng, càng làm

tăng thêm chất bi đát thảm lạng của tình yêu, liếm thêm sự bí mật của những chữ TTKH.

Chú thích:

- (1) Hai sắc hoa ty gôn - TTKH (Tiểu thuyết thứ bảy, số 179, 30/10/1937)
- (2) Tiểu thuyết thứ bảy, số 182 ra ngày 20-11-1937)
- (3) Phụ nữ thời đàm
- (4) Tiểu thuyết thứ bảy, số 217, 23/07/1938)
- (5) Tiểu thuyết thứ bảy, số 307, 04/05/1940)

Tạ Thành Kính và nàng T.T.Kh Thế Phong

Chúng tôi đến bệnh viện Đa khoa Saigon thăm Tạ Thành Kính. Bạn đọc nào mà chẳng ngỡ ngàng, khi nghe tên cúng cơm *Thẩm Thệ Hà* là Tạ Thành Kính?

Và đã một lần trên báo chương Nam Bộ gán ghép cho Thẩm Thệ Hà làm thơ ký T.T.K; thì chính là nàng T.T.Kh , tác giả *Nếu biết rằng tôi đã có chồng ... !*

Đó là câu trao đổi đầu tiên của tôi với phu nhân Tạ Thành Kính đang săn sóc bệnh nhân Thẩm Thệ Hà ở Khoa Tim mạch. Miệng bệnh nhân móm sều (*không đeo hàm răng giả*), cặp kính râm mát to đùng ôm khuôn mặt choắt cheo, trên to, dưới bé- so sánh như chữ V ngược thì hơi tàn nhẫn, nhưng đúng là vậy ! (*chữ V ngược* , tựa một truyện ngắn hay của *Đặng Đình Túy* [đăng trên website newvietart.com](http://dangdingtuy.com))

Tạ Thành Kính sinh năm 1923 ở Trảng Bàng , bạn thân Vũ Anh Khanh, tác giả bài thơ *Tha La Xóm Đạo* hay tuyệt - anh nói với tôi tên thật Vũ Anh Khanh là Nguyễn Năm, quê Phan Thiết , còn dị bản khác chép Võ Văn Khánh là sai..Cũng như tôi thấy nhà văn Phạm Thái tên thật khai sinh Nguyễn Ngọc Tân (em vợ cựu Phó tổng thống Nguyễn Ngọc Thơ - VNCH), lại có dị bản khác chép tên thật Lê Phùng Thời .(bài viết Nguyễn Vy Khanh ở Mỹ)

Nhớ lần Tạ Thành Kính viết một bài báo đăng trên báo *Văn nghệ* (tp HCM) tưởng niệm bạn thân Vũ Anh Khanh- kể chuyện Nguyễn Năm tập kết ra bắc, giấy phép cấp nghỉ tại Vĩnh Phú đem sửa thành Vĩnh Linh, rồi Nguyễn Năm vào Quảng Trị, bơi qua sông Bến Hải vượt tuyến bị bắn chết, đạn súng từ hướng phía bắc bắn qua - sau Thẩm Thệ Hà và tổng biên tập Chim Trắng bị cấp trên *khiến* là mất quan điểm văn học, lập trường chao đảo . Sở dĩ cấp trên nhắc nhở, cảnh cáo , vì Tạ Thành Kính thuộc dạng văn nghệ sĩ hoạt động trong lòng địch được lãnh trợ cấp hàng tháng của Thành ủy tp HCM.

Nhớ lại khoảng năm 1999, tôi chở Lý Văn Sâm trên xe gắn máy Honda cà tàng (xe mua từ nhuận bút T.T.Kh do Trần Nhật Thu trả , anh em gọi đùa *xe nàng T.T.Kh*) sang quận 4 mời Thẩm Thệ Hà tham dự buổi *sinh nhật Lý Văn Sâm vào tuổi 80* .- do Ủy ban nhân dân Biên Hòa tổ chức, thì TTKH cáo từ bệnh hoạn. Lần ấy chỉ có Lý Lan, Hoàng Tấn, và tôi từ Saigon lên dự. Chủ tịch Ủy ban Lê Hoàng Quân tóc bạc phơ niềm nở đón khách ở tp. HCM (Viễn Phương, Lý Lan , T.P) cũng như một khách văn chương duy nhất từ Hà Nội vào -tiến sĩ văn học Văn Giá.

Hai đài truyền hình tp. HCM, Đồng Nai chĩa máy quay phim, phòng vấn văn nghệ sĩ. Phóng viên Việt Bình (HTV7) quay sang tôi phỏng vấn – lắc đầu, lấy tay chỉ qua hướng Viễn Phương, Lý Lan. Xin giới thiệu sơ sơ, Viễn Phương tác giả bài thơ có câu: *Con ở miền Nam ra thăm Bác* rất

nổi tiếng, lại được nhạc sĩ Hoàng Hiệp phổ - ca khúc càng thăng hoa cung bậc – thì phóng viên HTV Việt Bình phỏng vấn ngược - *con ở đây hiểu theo ý khác phải không?* Bởi chàng thi sĩ Nam bộ gốc An Giang chân chất không ngờ được có tình huống này, giá đảo ngược vị trí *Ở viết hoa lên đầu câu thơ , đó đũa nào dám xuyên tạc nói vào, nói ra!*

Lý Văn Sâm ngồi xe lăn nghe được, nói đùa;...” *Nó (chẳng biết ám chỉ ai) thù dai lắm đấy , thôi thì đứng vào đây chụp chung một tấm ảnh xí bùm bùm là huề vui về cả làng ! “*

Thế rồi có một tấm ảnh chụp chung : Viễn Phương, Văn Giá, Hoàng Tấn, Thế Phong và nhà văn Khôi Vũ của Biên Hòa.

Tôi bỗng nhớ lại câu chuyện T.T.Hà kể với Hai Lý (Lý Văn Sâm - Mai Văn Bộ lại thăm, đưa bản thảo hồi ký cho đọc chờ góp ý - và nhà giáo viết báo Trần Phò đến phỏng vấn viết bài , và cậu con trai duy nhất ở Úc sắp tốt nghiệp về lại Saigon, đã sẵn có chỗ làm tại một công ty Úc tại thành phố Bác

So với 10 năm trước Thắm Thệ Hà không còn phong độ như xưa , nay ốm o, gầy guộc, xương bọc da, áo rộng thùng thình , nằm thì chân co chân ruỗi, khuỷu tay thâm quầng vì chích nhiều, máu tụ , nói năng bình thường, trí óc rất minh mẫn- , hỏi tôi làm gì, sinh hoạt văn chương ra sao?

Đáp, đầu năm 2009, một webside ở California rao bán trên mạng *Lược Sử Văn Nghệ Việt Nam / nhà văn tiền chiến \$17,99 /cuốn không xin phép , tôi viết thư ngỏ đăng trên newvietart.com phản đối, kết quả hòa cả làng, sách vẫn được rao trên web: Goviet2.com, chỉ bóc đi bìa sách mà thôi – và Amazon.com (một trong bốn năm mạng bán sách nổi tiếng toàn cầu, trụ sở ở Mỹ) tung lên mạng 5 cuốn sách tiếng Anh: nào *Thephong by Thephong, the writer, the work & the life (www.Amazon.com/Thephong/writer-work-life-autobiography/dp/BO07JUSLA - 150k) - Uplifting Poems, tiếp I was an American militiaman, rồi The Summing up of Ten years of writing , và A brief glimpse at the Vietnamese literary scene, 1900-1956 - muốn đọc ebooks tác giả phải có máy Kindle PX. Vui nhất là năm 1995- 96 gì đấy , giáo sư Nguyễn Đình Hòa cấp sách Tổng luận 60 năm văn nghệ Việt Nam 1900-1956 (bản dịch anh ngữ Đàm Xuân Cận) đi thuyết giảng khắp đại học Mỹ , rồi lại tự ý (in ra một số bản – và National Library of Australia mua được một bản đưa vào thư viện (nla.gov.au/nla.cat-vn3697986 0-24 – Cached – Similar pages). Phu nhân nhà văn Thắm Thệ Hà đùa: *vậy là giàu to !* Đáp: *Không đâu, lắm mối (sách phổ biến nhiều) tới năm không (không xu keng nào dưới gối).* và đúng lúc này Thắm Thệ Hà chia tay ra bắt, hện khỏi bệnh sẽ gặp tại nhà anh..**

Và Lữ Quốc Văn tiến tới bên giường bệnh, sắp xếp để phu nhân ngồi bó gối cạnh ông, tôi ngồi kế bả, cả hai cứ nói chuyện bình thường, một hai, ba bấm máy - mặc bệnh nhân Tạ Thành Kính xua tay phản đối . Phu nhân ông tiếp: *N.V. Sâm ở Mỹ lại thăm ,chụp ảnh post lên mạng namkyluctinh – kể cả đưa mấy tác phẩm của anh lên mạng hà rằm, nào Người yêu nước, Hoa Trinh nữ vv... Ảnh không cho chụp hình thì có sao đâu , anh Văn tìm ở Google / Search/ Thắm Thệ Hà có chân dung ảnh ngay thôi*

Chúng tôi rời bệnh viện gần giờ Ngọ, về đến đường Bùi Hữu Nghĩa (quận Bình Thạnh) bị mưa - *mưa không quá Ngộ tiền nhân dạy lại không đúng với buổi đi thăm bệnh nhân Thắm Thệ Hà này rồi .*

Chúc nhà văn Thắm Thệ Hà chóng bình phục, và đây bài báo nhỏ viết về phu quân như lời phu nhân nhà văn yêu cầu *làm ảnh vui !*

**Chân dung nhà văn cùng thời T.T.Kh.
Vũ Bằng**

Bởi thế, trong tất cả các thi sĩ văn sĩ lên tiếng với T.T.Kh hồi đó, nổi tiếng nhất là Thâm Tâm và cũng vì tình cờ, có người tôn T.T.Kh là Thâm Tâm - Khánh nên có nhiều người quả quyết T.T.Kh là nhân tình của Thâm Tâm.

Sự thực T.T.Kh là ai?

Nói sự việc này ra thì có phũ phàng một chút, thô lậu một chút, mà lại "giết" hồn thơ đi một chút, nhưng thiết tưởng trước sau gì cũng nên nói, may ra có chấm dứt được một nghi vấn hầu giúp cho nhiều người đỡ thắc mắc phần nào.

Thâm Tâm là một thi sĩ được rất nhiều cảm tình của cả bạn trai và bạn gái. Trong số các bạn gái đó có người sinh trưởng nơi khuê các, có người chẳng may lạc vào nơi hí viện, có người tên A, có người tên H, có người tên K, nhưng T.T.Kh không bao giờ là người yêu của Thâm Tâm, bởi một lẽ rất giản dị là không bao giờ có T.T.Kh bằng xương bằng thịt. Nhà thi sĩ thường sống bằng tưởng tượng, bằng cái đẹp, thi nhân là người reo rắc cái đẹp cho đời, đan mộng cho mình, lấy giả làm chân, lấy mộng làm thực, bởi thế một Thâm Tâm, một Nguyễn Bính, một Trần Huyền Trân tưởng tượng có người yêu mình, mà người ấy có thực, đã sống với mình thực, đã phụ mình thực vì "vấn đề gia đình", chuyện đó không lạ mà không phải chỉ bây giờ mới có.

Thi nhân sung sướng về chỗ đó và tự mình là một ông trời của mình cũng vì lẽ đó. Sau khi bài thơ "Hai sắc hoa ti gôn" ra đời, đi sát luôn với Thanh Châu, tôi biết rằng chính Thanh Châu là người đã đẻ ra T.T.Kh! Cũng như tất cả các nhà văn trẻ, đại khái như Vũ Trọng Phụng, anh muốn rằng văn của anh được người đời lưu ý ngay. Vì thế, ngồi nói chuyện với anh em, anh hay nhắc đi nhắc lại truyện "Hoa ti gôn" (vì lẽ đó tôi mới biết họa sĩ Lê Chấn trong truyện là

CDCT 7

Lê Phô). Trong các bạn thân của Thanh Châu hồi đó, có vài người là Micro Bùi Xuân Như, Thanh Tùng Tử, Lê Bái (J. Leiba) Văn Thu, Thượng Sỹ và tôi. Trong số bạn ấy, Thanh Tùng Tử hợp với Thanh Châu nhất. Mặc dầu ở ngoài không mấy ai biết rõ, nhưng ngay lúc bài thơ T.T.Kh ra đời, người ta đã biết đó là Thanh Tùng Tử (Lê Bái) tức là J. Leiba cảm để và "nâng" truyện "Hoa ti gôn" của Thanh Châu lên, nhưng chẳng lẽ anh em với nhau lại khen "thằng thừng" e bất tiện, nên Thanh Tùng Tử đã không đăng trên *Ngọ Báo* mà lại mượn một tên khác, tên Trần Thị Khánh, để gửi đăng trên *Tiểu thuyết thứ bảy* là tuần báo văn nghệ lúc ấy được nhiều người chú ý hơn tờ nhật báo anh làm việc (tức là tờ *Ngọ Báo*). Nhờ bài ấy người ta nhắc nhở đến chuyện "Hoa ti gôn" nhiều hơn và tên T.T.Kh bật lên từ đó. Tất cả tôi biết đúng như thế, còn những bài như "Đan áo cho chồng", "Bài thơ cuối cùng" tôi không biết chắc là của Thanh Tùng Tử không hay là của một người nào khác. Và tôi đã có lần tự hỏi sao những bài sau này lại không thể là của Thanh Châu - vì tôi biết Thanh Châu là một nhà văn, một nhà báo có tài học, mà lại kiêm một nhà thơ rất là lướt, rất dồi dào tứ hay.

Để làm chứng cho sự việc tôi vừa nói trên đây về bài "Hai sắc hoa ti gôn", hiện bây giờ còn một nhân chứng nữa là Ngọc Giao (vì hồi ấy Ngọc Giao làm hai buổi ở *Tiểu thuyết thứ bảy* sau khi thôi làm Tòa án) còn hầu hết đã qua đời rồi, tuy rằng anh em *Tiểu thuyết thứ bảy* còn nhiều người nhưng không sống trực tiếp với chúng tôi trong thời kỳ đó).

Hôm nay, đập vỡ một cái mộng văn chương, tôi không ngại nói ra T.T.Kh là Lê Bái tức Thanh Tùng Tử, bạn thân của Thanh Châu Ngô Hoan. Tại sao "cô gái vườn Thanh"? Thanh Châu là người Thang Mộc ấp (Thanh Hóa), có một người yêu

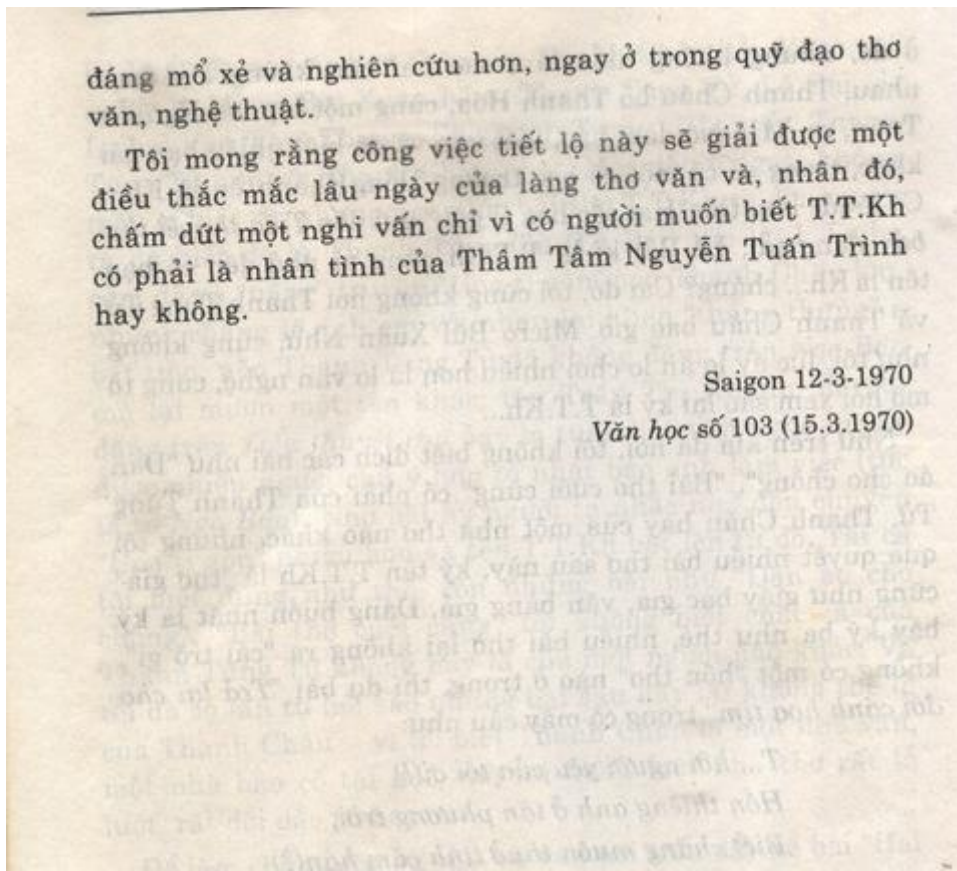
ô đó, nhưng không hiểu làm sao hai bên không lấy được nhau. Thanh Châu bỏ Thanh Hóa, cùng một lớp với Nguyễn Tuấn, ra ở Hà Nội làm báo, viết văn và đã biết nhiều bạn gái khác, trong số có một cô học trường ĐốngKhánh tên là Kh... Có lẽ lúc làm thơ "Hai sắc hoa ti gôn" gửi đến *Tiểu thuyết thứ bảy* đang tải, Lê Bái kí là T.T.Kh cũng vì nhớ đến cô bạn tên là Kh... chăng? Cái đó, tôi cũng không hỏi Thanh Tùng Tử và Thanh Châu bao giờ. Micro Bùi Xuân Như, cũng không như tôi, lúc ấy lo ăn lo chơi nhiều hơn là lo văn nghệ, cũng tò mò hỏi xem sao lại ký là T.T.Kh...

Như trên kia đã nói, tôi không biết đích các bài như "Đan áo cho chồng", "Bài thơ cuối cùng" có phải của Thanh Tùng Tử, Thanh Châu hay của một nhà thơ nào khác, nhưng tôi quả quyết nhiều bài thơ sau này, ký tên T.T.Kh là "thơ giả" cũng như giấy bạc giả, văn bằng giả. Đáng buồn nhất là ký bậy ký bạ như thế, nhiều bài thơ lại không ra "cái trò gì", không có một "hồn thơ" nào ở trong, thí dụ bài "Trả lại cho đời cánh hoa tim" trong có mấy câu như:

*T... hỏi người yêu của tôi ơi(!)
Hồn thiêng anh ở tận phương trời,
Biết chăng muôn thuở tình cảm hận(?)
Tình chết em mang lại cõi đời (!?)*

Thâm Tâm, Thanh Châu, Thanh Tùng Tử! Các anh đều là bạn tôi. Hai anh đã chết, một anh còn sống, nhưng dù chết hay sống, xin các anh thông cảm với tôi và chắc các anh vui lòng để cho tôi tiết lộ bí mật về T.T.Kh...

Bởi vì tôi biết rằng thời đại đã qua rồi, các anh biết rõ hơn ai hết là những cái "trò" như thế chỉ là để chơi rờn với nhau trong nhất thời, không bao giờ nên đem ra làm một đối tượng mổ xẻ và nghiên cứu - trong khi có nhiều điều



Giòng dư lệ
Nguyễn Bính
Tặng T.T.Kh.

*Cho tôi ép nốt giòng dư lệ
Rỏ xuống thành thơ khóc chút duyên.*
T.T.Kh.

Gió đưa xác lá về đường,
Thu sang nhuộm cả sầu thương một trời.
Sầu thương quện lấy hồn tôi,
Đêm qua ngồi đọc thơ người xa xăm.
Một ngàn năm, một vạn năm,
Con tâm vẫn kiếp con tầm vương tở.
Tặng người gọi một giòng thơ,
Hay là giòng nước mắt thừa đêm qua.
Đường về Thanh Hóa bao xa,
Bao giờ ra nhớ rủ ta với, chàng!
Bảo rằng quan chắng cho sang,
Ai đời quan cấm đồ ngang bao giờ!

Vườn Thanh qua đây năm xưa,
Trọ nhờ đêm ấy gòi mưa tối gòi.

Quanh lò sưởi ấm, bên tôi,
Bên người lão bộc đương ngồi quay tơ.
Tuổi nàng năm ấy còn thơ,
Còn bao hứa hẹn đợi chờ một mai.
(Rồi đây bao gió bụi đời,
Tôi quên sao được con người vườn Thanh).
Lạnh lòng canh lại sang canh,
Lòng tôi thao thức với tình băng quơ.
Bởi sinh làm kiếp giang hồ,
Dám đâu toan tính se tơ giữa đàng.

Thu sang, rồi lại thu sang,
Cúc bao lần nở, lá vàng bao rơi?
Bao nhiêu vật đổi sao dời?
Đường bao dặm thẳm? hỏi người bốn phương?
Trọ bao nhiêu quán bên đường,
Nhưng không lần nữa qua vườn Thanh xưa.
Cô nàng đêm ấy quay tơ.
Tôi quên sao được hẳn chưa lấy chồng.
Một hôm lòng lại nhủ lòng:
Nơi đây giáp với cánh đồng vườn Thanh.
Rồi tôi len lén một mình,
Ra đi với một tấm tình hay hay.
Đường mòn tràn ngập bông may,
Gió heo báo trước một ngày thu sang.
Dừng chân trước cửa nhà nàng,
Thấy hoa vàng với bướm vàng hôn nhau.
Tìm nàng chẳng thấy nàng đâu,
Lá rơi lá tả trên đầu như mưa...
Chợt người lão bộc năm xưa,
Từ đâu mang mảnh guồng tơ lại nhà.

Một hai xin phép ông già,
Trọ nhờ đêm ấy nữa là hai đêm.
Ông già nể khách người quen,
Ngậm ngùi kể lại một thiên "hận tình".
Rồi ông kết: (giọng bất bình)
"Trời cay nghiệt thế cho đành? Thưa ông.
Cô tôi nhạt cả môi hồng,
Cô tôi chết cả tấm lòng ngây thơ.
Đâu còn sống lại trong mơ,
Đâu còn sống lại bên bờ sông yêu?
Buồn the sầu sớm thương chiều,
Khóc thầm biết có bao nhiêu lệ rồi!
Tơ duyên đến thế là thôi,
Thế là uống cả một đời tài hoa.
Đêm đêm bên cạnh chồng già,
Và bên cạnh bóng người xa hiện về..."
Rùng mình, tôi vội gạt đi:
"Già ơi! Thảm lắm! Kể chi dài giòng.
Cháu từ mắc số long đong,

Yêu thương chìm tận đáy lòng đã lâu.
Đau thương qua mấy mươi cầu,
Cạn giòng nước mắt, còn đâu khóc người ."

"Dối già một chút mà thôi,
Nghe lời già kể, cháu mười đêm luôn
Chợt thương, chợt khóc, chợt buồn,
Cháu như một kẻ mất hồn, già ơi!"

Chuyện xưa hồ lãng quên rồi,
Bỗng đâu xem được thơ người vườn Thanh .
Bao nhiêu oan khổ vì tình,
Cớ sao giống hệt chuyện mình gặp xưa?
Phải chăng. Minh có nên ngờ,
Rằng người năm cũ bây giờ là đây?

Thâm Tâm và sự thật về T.T.KH Nguyễn Vỹ



Năm 1936-37 xuất hiện ở phố Chợ Hôm, ngoại ô Hà Nội, một nhóm văn sĩ trẻ với bút hiệu Trần Huyền Trân, Thâm Tâm và một vài người khác nữa. Ít ai để ý đến họ. Có lẽ vì họ là những người còn quá trẻ: Huyền Trân và Thâm Tâm mới 18, 19 tuổi, mới bắt đầu viết văn, chưa có gì đặc sắc. Lớp văn sĩ đi trước không chú ý đến họ. Nhưng họ dễ thương, vui vẻ, hồn nhiên, an phận ở một vị trí khiêm tốn, chẳng thân với ai, cũng chẳng làm phiền lòng ai. Họ sống một thế giới riêng của họ, không chung đụng với những nhóm đã nổi tiếng ít nhiều trong làng văn, làng báo lúc bấy giờ.

Họ có một tờ tuần báo nhỏ, lấy tên *Bắc Hà* ở phố Chợ Hôm, nơi đây họ làm văn nghệ với nhau, theo lối tài tử hơn chuyên nghiệp. Tờ báo bán không chạy lắm tuy có vài mục hài hước vui nhờ mấy bức vẽ của Tuấn Trình và nhiều cố gắng hứa hẹn trên bình diện văn chương. Hăng hái nhất và đóng vai chủ động trong tờ báo là Trần Huyền Trân. Thâm Tâm, biệt hiệu của Tuấn Trình, vẽ nhiều hơn viết, thỉnh thoảng đăng một vài bài thơ, vài mẫu chuyện ngắn. Đôi khi thấy

xuất hiện trên mặt báo vài ba bài thơ có tính cách ca dao ái tình của Nguyễn Bính, học sinh lớp Nhất, trường tiểu học Hà Đông. Nguyễn Bính sau thi rớt, nghỉ học luôn.

Tuy không chơi thân, tôi quen biết Trần Huyền Trân khá nhiều, vì anh ta ở trọ một căn nhà trong ngõ Khâm Thiên, gần Ô Chợ Dừa. Thường đi một con đường nên chúng tôi gặp nhau và quen nhau. Đôi khi Trần Huyền Trân nhờ tôi viết bài cho tuần báo “*cho vui*” vì không có tiền nhuận bút. Để tỏ tình thông cảm văn nghệ, tôi có viết một truyện ngắn khôi hài và chỉ có một lần. Trong một số báo đặc biệt mùa hè, Tuấn Trinh vẽ một cặp Bạch Nga bơi trên Hồ Hoàn Kiếm và ghi ở dưới: *Nguyễn Vỹ và Mộng Sơn*.

Tôi quen biết Tuấn Trinh do Trần Huyền Trân giới thiệu. Nhà anh ở Chợ Hôm, cách chợ độ ba bốn trăm thước. Anh đẹp trai, y phục lúc nào cũng bảnh bao, người có phong độ hào hoa, lịch thiệp. Tôi thấy ở Sài Gòn có anh Hoàng Trúc Ly, nhà văn, giống na ná Tuấn Trinh về dáng điệu cũng như tính tình, tư cách. Nhiều khi gặp Hoàng Trúc Ly trên đường Bonard Sài-Gòn, tôi quên lửng, cứ tưởng gặp Tuấn Trinh trên phố Chợ Hôm, Hà Nội.

Một buổi chiều gần tối. Tuấn Trinh đi lang thang gần chợ Khâm Thiên. Tôi từ Hà Nội về nhà, tưởng anh ta đến Trần Huyền Trân, nhưng anh bảo: “*Thằng Huyền Trân nó đi đâu, không có nhà*”. Tôi rủ anh về gác trọ của tôi ở cuối phố. Hôm ấy tôi có vài chục bạc trong túi, có thể làm một tiệc bánh giò chả lụa với Tuấn Trinh. Tôi bảo anh ở lại ngủ với tôi cho vui. Đêm ấy cao hứng, Tuấn Trinh ngà ngà say rượu Văn-Điển, kể chuyện tình của anh với cô Khánh cho tôi nghe.

Trần Thị Khánh là một cô học trò lớp Nhất trường Tiểu học Sinh-Từ. Thi hồng, cô ở nhà giúp mẹ làm việc nội trợ. Nhà cô cũng ở đường Sinh-Từ, ngay cạnh Thanh-Giám, nơi đền thờ Khổng Tử. Thanh – Giám là một thắng cảnh Hà-Nội, đã liệt vào cổ tích Việt Nam, xây cất từ đời nhà Lý, tu bổ dưới đời nhà Lê, hình chữ nhật, chung quanh xây tường đá ong, cao độ hai thước. Đền thờ ở trong cùng, trước đền có Hồ Tròn, hai bên hồ dựng nhiều tấm bia ghi tên các tiến sĩ đời nhà Lê. Vào Thanh-Giám, có cổng Tam Quan lớn, trước cổng có tấm bia đề hai chữ Hán: “*Hạ Mã*”, và hai trụ cao. Trong vườn trồng rất nhiều cây cổ thụ và các cây kiểng. Nơi đây rất yên tĩnh và mát mẻ, cũng là nơi các cặp trai gái hẹn hò tâm sự. Trước kia có một bầy quạ chiều tối bay về ngủ, cho nên người Pháp gọi là “*Pagode des Corbeaux*” (Chùa Quạ) ngoài danh từ lịch sử “*Temple de Confucius*” (Đền Khổng Tử).

Cô nữ sinh Trần Thị Khánh là một thiếu nữ đẹp, nét đẹp mơn mẫm của cô gái dậy thì, thùy mị, nét na, nhưng không có gì đặc biệt. Tuấn Trinh có người cô, nhà ở phố chợ Cửa Nam, gần Sinh-Từ. Anh thường đến đây và thấy cô Khánh đi chợ mỗi buổi sáng. Lúc ấy vào khoảng tháng 2 năm 1936, họa sĩ Tuấn Trinh (tên gọi hồi đó) mới 19 tuổi, và cô Khánh 17 tuổi, thi rớt Tiểu học và đã nghỉ học từ mùa hè năm trước. Tuấn Trinh mới bắt đầu vẽ và viết chút ít trong tờ tuần báo *Bắc Hà* của Trần Huyền Trân vừa xuất bản.

Sau một vài tháng theo dõi, Tuấn Trinh làm quen được với cô Khánh và gởi báo *Bắc Hà* tặng cô. Cô gái 17 tuổi, cảm mến người nghệ sĩ tài hoa, tình yêu chớm nở như cành hoa Antigone trắng vừa chớm nở trong tháng đầu hè trước sân nhà cô. Antigone là loại hoa của người Pháp đem qua hồi đầu thế kỷ, không thơm nhưng đẹp. Nó thuộc loại hoa dây, lá giống lá nho, cho nên ở miền Nam, nhiều người gọi là hoa nho. Nó có hai loại, loại hoa trắng và hoa hồng. Hoa nở vào đầu mùa hè, thành những chùm rất dễ thương, nụ hoa giống hình trái tim nho nhỏ. Ở Hà-Nội người ta trồng rất nhiều và bán rất nhiều trong chợ Đồng Xuân, cũng như ở chợ Hoa, bờ hồ Hoàn Kiếm. Cắm nó vào lọ để phòng khách, nó bung ra một vẻ đẹp lãng mạn, khả ái lắm. Người Bắc gọi tắt hoa Ti-Gôn. Ở phố Sinh Từ Antigone mọc rất nhiều, như trước sân nhà ông Nguyễn Văn Vĩnh và Nguyễn Nhược Pháp. Nhà trọ của Lưu Trọng Lư và Lê Tràng Kiều ở

phố Nam Long có cả một giàn hoa trắng và hồng. Nhưng mùa đông lá rụng hoa tàn, thì không cảnh nào tiêu sơ quạnh quẽ bằng.

Tình yêu của Tuấn Trình và Trần Thị Khánh chớm nở ngay lúc những chùm Antigone vừa hé nụ, và chết trong những ngày giữa mùa Đông năm đó, trong lúc giàn hoa Ti-gôn úa tàn, rụng ngập đầy sân. Thời kỳ mơ mộng ngẩn ngui trong mấy tháng Hè, sang hết mùa Thu, không đem lại chút thỏa mãn nào cho tâm hồn khao khát của Tuấn Trình. Chính lúc này Tuấn Trình lấy bút hiệu Thâm Tâm và cho cô Khánh biết: *Hình ảnh của em, anh ghi sâu vào thâm tâm anh. Trong bài Màu Máu Ti-Gôn, cũng có câu: ...Quên làm sao được thuở ban đầu – Một cánh ti gôn Dạ khắc Sâu.*

Một vài bài thơ tình thức đêm làm tặng Khánh, những bài thơ đầu tiên đăng trên tuần báo *Bắc Hà*, đều ký Thâm Tâm, các tranh vẽ trong báo vẫn ký Tuấn Trình. Nhưng cô gái 17 tuổi, dè dặt theo lễ giáo nghiêm khắc của gia đình, chưa thật bao giờ đáp ứng với tình yêu tha thiết của Tuấn Trình – Thâm Tâm. Đó là điều đau khổ triền miên của chàng nghệ sĩ 19 tuổi. Trong lúc những cặp tình nhân trẻ trung dắt nhau đi du ngoạn khắp nơi thơ mộng ở Hà-Nội và ngoại ô: Hồ Tây, chùa Láng, Bạch Mai, Phúc Trang, Đền Voi Phục...thì Trần Thị Khánh cứ phải từ chối những lời mời của Thâm Tâm. Cô thường nói: *"Thầy mẹ em nghiêm, gia đình em nghiêm lắm..."* Lần nào cô Khánh cũng lặp lại chữ *ng nghiêm* gia giáo ấy để trả lời kỳ vọng khao khát của người yêu.

Chỉ được hai lần Khánh đến nơi hẹn, nhưng không được lâu. Lần thứ nhất, một đêm trăng, Khánh lén băng qua đường, vào vườn Thanh-Giám. Tuấn Trình đã chờ người yêu nơi đây, dưới bóng cổ thụ. Nhưng cô Khánh run cả người (theo lời Tuấn Trình kể lại) cậu cũng lính quỳnh, tất cả những câu bay bướm cậu sắp sẵn để nói với nàng, bấy giờ cậu quên mất hết. Một lúc lâu Tuấn Trình mới nói được mấy lời tình tứ, nhưng lại trách móc, nghi ngờ, nàng không yêu mình. Nàng bảo: *"Em không yêu anh sao dám ra đây gặp anh? Nhưng vì thầy mẹ em nghiêm lắm, anh ạ."* Tuấn Trình hỏi chua chát: *"Giờ phút này chỉ có thơ và mộng, chỉ có anh với em, ánh trăng đẹp của hai đứa mình có nghiêm không nhỉ?"* Có lẽ vì bất bình câu nói mỉa mai của người yêu, Khánh lặng yên một phút rồi đáp: *"Ánh trăng đẹp, nhưng vẫn nghiêm đấy, anh ạ"*. Cuộc gặp đêm ấy, chỉ lâu không đầy một tiếng đồng hồ. Tuấn Trình đặt một chiếc hôn âu yếm trên bàn tay của Khánh trước lúc nàng vội vã chạy về nhà.

Lần thứ hai, hai cô cậu cũng gặp nhau trong vườn Thanh (nhiều người sau này nói Thanh là Thanh Hóa, là hoàn toàn sai sự thật). Vườn Thanh-Giám đêm ấy cũng ngập ánh trăng Thu. Nhưng thái độ của Khánh lạ lùng khó hiểu. Hình như Khánh muốn nói với Tuấn Trình một điều gì, nhưng ngại ngùng không nói. Chàng lặng lẽ vuốt mái tóc huyền của Khánh rồi khẽ bảo: *Ước gì anh được yêu em như thế này mãi...* Nàng buồn bã hỏi: *"Anh định bao giờ đến xin thầy mẹ cho chúng mình..."* Chàng họa sĩ bối rối trước câu hỏi bất ngờ. Chàng lơ đãng bảo: *"Anh chưa nghĩ đến việc ấy, vì..."* Câu chuyện bị bỏ dở nơi đây. Khánh không hỏi gì hơn nữa. Chàng nắm tay nàng đi dạo quanh hồ nước xanh rì lẩn tẩn gợn sóng, chàng dừng lại, khẽ kéo Khánh vào lòng, nhưng nàng khẽ buông ra, Tuấn Trình âu yếm nhìn nàng: *"Em!"* Khánh mỉm cười: *"Anh bảo gì?"*

-Hình ảnh của em, nụ cười của em, sẽ mãi mãi ghi sâu vào lòng dạ của anh, vào thâm tâm anh.

Trần Thị Khánh bẽn lẽn cười như để tạ ơn và xin từ già. Tuấn Trình trần trọc suốt đêm. Khánh muốn giấu chàng một điều gì quan trọng chăng? Tình yêu giữa hai người vẫn nguyên vẹn, thur từ qua lại vẫn âu yếm, nhưng Tuấn Trình bắt đầu thấy lòng buồn bã băn khoăn khi giàn hoa Ti-gôn bắt đầu hé rụng trong nắng úa tàn thu. Thế rồi một hôm, chàng họa sĩ đa tình nhận được một bức thư của người yêu, không, của người hết yêu, báo tin nàng sắp lấy chồng.

Thư viết bằng mực tím, trên bốn trang giấy học trò, xé trong một quyển vở Nam Phương hoàng hậu (loại vở học trò rất thông dụng lúc bấy giờ). Thư do một cô bạn gái của Khánh đem đến tòa báo *Bắc Hà* trao tận tay Tuấn Trinh. Cô bạn gái hỏi "*ông Tuấn Trinh*" chứ không gọi Thâm Tâm. Ngoài bao thư cũng đề: Monsieur Tuấn Trinh (chữ Mr. bằng tiếng Pháp), nét chữ quen thuộc của T.T. Khánh. Đại khái, Khánh nhắc lại tình yêu "*thơ mộng*" của cô với "*người nghệ sĩ tài hoa son trẻ*" (những chữ cô dùng trong thư), tình yêu rất đẹp, nhưng vì thầy mẹ của cô rất nghiêm, theo lễ giáo, nên dù người vị hôn phu của cô là một người chỉ mới biết sơ thôi, nhưng cô vẫn có bổn phận "*giữ tròn chữ hiếu, không dám cãi lời thầy mẹ đặt đâu ngồi đấy v.v...*" Cô nói cô buồn lắm vì tình yêu dang dở, "*Em yêu anh mãi mãi! Không bao giờ quên anh, nhưng 'van' anh đừng giận em, thương hại em, chứ đừng trách móc em v.v...*" Cô than thở đời cô khổ nên tình duyên ngang trái, cô khóc suốt đêm v.v...

Khánh không nói một câu nào về người vị hôn phu, không cho biết ngày cưới, và cuối thư ký tắt: K.H. Bức thư của K.H chấm dứt một cách đột ngột cuộc tình duyên thật sự không mấy "*thơ mộng*" của họa sĩ Tuấn Trinh và cô Trần Thị Khánh.

Sau do sự dò hỏi vài người quen ở phố Sinh-Từ, Tuấn Trinh được biết chồng cô Khánh là một nhà buôn giàu có ở phố Hàng Ngang, 39 tuổi, góa vợ và không có con. Trong câu thơ: "*Bên cạnh chồng Nghiêm luống tuổi rồi*" chỉ sự cách biệt tương đối giữa tuổi 39 của người chồng với tuổi hã còn vị thành niên của cô Khánh. Đó chỉ là nhận xét chủ quan và mỉa mai của Thâm Tâm, so sánh tuổi mình 20 với người đàn ông được diễm phúc làm chồng cô Khánh, nhưng trên thực tế và theo lời những người hàng xóm ở phố Sinh Từ nói với Tuấn Trinh thì người chồng cô Khánh "*giàu sang và trẻ đẹp*" chứ không phải một ông già. Tuấn Trinh cũng nhìn nhận rằng một người nhà giàu 40 tuổi, đẹp trai, không thể là một ông già.

Đám cưới đã nhờ mối lái qua lại từ lâu, và đồ sính lễ có kiềng vàng, xuyên, nhẫn, vòng, kim cương, quần áo hàng lụa quý giá. Rước dâu bằng mười chiếc Citroen mới, cô dâu đeo nữ trang rực rỡ, mặc chiếc áo cưới màu đỏ tươi, lộng lẫy ngồi trên xe hoa như nàng công chúa ngồi cạnh người chồng mặc áo gấm xanh. Đêm trước hôm cô Khánh lên xe hoa, Thâm Tâm có tổ chức tại tòa báo *Bắc Hà* một tiệc thịnh soạn, uống Mai Quế Lộ, mời Trần Huyền Trân, Nguyễn Bính và Vũ Trọng Can tham dự. Họ say sưa, ngâm thơ, làm thơ, cười đùa cho đến khuya rồi lăn ra ngủ trên đất. Người đau khổ trong cuộc tình duyên dang dở này không phải là cô Khánh. Trái lại, cô có đầy đủ hạnh phúc với người chồng rất chiều chuộng cô. Trần Huyền Trân đã gặp cô đi hí hờn với chồng vào ăn kem ở tiệm Blanche Neige (kem Bạch Tuyết), Bờ Hồ hai lần. Hai ông bà nhìn nhau và cười với nhau ra vẻ âu yếm lắm. Khánh đã có thai, được chồng săn sóc nâng đỡ lên chiếc xe nhà Citroen, lúc ra về, còn đi một vòng quanh hồ Hoàn Kiếm. Trần Huyền Trân kể lại cảnh âu yếm đó cho Tuấn Trinh nghe và kết luận: "*Con Khánh nó cho cậu leo cây, cậu còn si nó làm gì nữa, thêm tủi nhục*". Người đau khổ dĩ nhiên là Tuấn Trinh, Thâm Tâm. Chàng yêu nhớ đơn phương với mặc cảm của một nghệ sĩ nghèo bị người yêu bỏ rơi, lại còn bị mấy thằng bạn trẻ chế nhạo đùa bỡn, nhất là Vũ Trọng Can.

Vì một chút tự ái văn nghệ, đối với mấy người kia, Tuấn Trinh đã phải thức một đêm, theo lời anh, làm một bài thơ đề là "*Hai Sắc Hoa Ti Gôn*" ký T.T.KH, với thâm ý để Trần Huyền Trân và Vũ Trọng Can tin là của Khánh làm, để thương tiếc mối tình tan vỡ. Muốn giữ tính cách bí mật, Tuấn Trinh dán kín bao thư rồi nhờ cô em họ, con gái của người cô ở phố Cửa Nam, mang thư đến tòa báo. Cũng chính cô em họ đó đã chép giùm bài thơ với nét chữ con gái dịu dàng của cô, để khỏi bị nghi ngờ. Cho nên giọng thơ hoàn toàn là giọng thơ lãng mạn của Tuấn Trinh, và lời thơ khác hẳn những lời tâm sự trong bức thư cuối cùng của KH, báo tin sắp lấy chồng. Cô Khánh không biết làm thơ. Cô chưa bao giờ làm thơ cả! Và cô ghét những bài thơ của Thâm Tâm nữa là khác. Tuấn Trinh đã nói quả quyết với tôi như vậy, sau khi nhận được một bức thư của Khánh, bức thư cuối cùng, tỏ ý *không bằng lòng* anh mượn tên cô để làm thơ kể chuyện

tình duyên cũ, có thể làm hại đến cuộc đời của cô. Trong thư *phản đối* đó, Khánh xưng *tôi*, chứ không xưng *em* như những thư trước, để chấm dứt trò chơi vô ích ấy. Thâm Tâm lấy những lời nghiêm khắc giận dữ của người yêu cũ để làm ra “*Bài Thơ Cuối Cùng*”: *Trách Ai mang cánh ti gôn ấy – Mà viết tình xưa Được Ích Gì? – Bài Thơ đan áo nay Rao Bán – Cho Khắp Người đời thóc mách xem – Là Giết Đời nhau đấy, Biết Không? – Dưới dàn hoa máu, tiếng mưa rung – Giận anh tôi viết dư dòng lệ – Là chút dư hương điệu cuối cùng – Từ nay anh hãy Bán Thơ Anh – Và Để Yên Tôi với một mình – Những cánh hoa lòng, Hừ Đã Bỏ – Còn đem mà Đổi Lấy Hư Vinh.* Cô Khánh “*Trách*” người cũ không những đem chuyện tình xưa ra viết chẳng “*Được Ích Gì*” lại còn làm Bài Thơ đi “*Rao Bán*” cho người đời “*Thóc Mách*” mua xem. Như thế là Anh “*Giết Đời Tôi anh Có Biết Không?*” Anh đem bán thơ để kiếm chút “*Hư Vinh*” nhưng chuyện xưa đã bỏ rồi, anh hãy để *tôi yên!*...

Thâm Tâm lấy gần hết chữ và nghĩa trong bức thư đoạn tuyệt tàn nhẫn của Trần Thị Khánh làm *Bài Thơ Cuối Cùng* đó mà vẫn ký T.T.Kh, một lần cuối cùng. Rồi, để đáp lại, chàng làm một bài ký tên Thâm Tâm và cũng là bài cuối cùng, mỉa mai, chua chát: *...Đây Bài Thơ Chót Kính Dâng Tặng Bạn – Và thành chúc đời em luôn tươi sáng – Như mộng kiều đầm ấm tuổi xuân xanh – Như hương trinh bát ngát dịu dàng – Hoa nhạc mới triều dâng tở Hạnh Phúc...*

Trên phương diện văn thơ cũng như tình cảm, ta chỉ thương hại Thâm Tâm, nhà thơ trẻ, hãy còn ngây thơ với tuổi 19, đầy thơ mộng, cứ tưởng rằng cô Khánh vẫn thành thật yêu chàng, rằng cô bị cha mẹ ép gả cho một “*ông già*”, nhưng cô vẫn giữ mối tình thiêng liêng chung thủy với người nghệ sĩ tài hoa. Cho nên tưởng làm vui lòng người yêu, chàng lấy tên nàng để ký dưới bài thơ thương tiếc, với những câu tình tứ như: *Từ đấy thu rồi thu lại thu – Lòng tôi còn giá đến bao giờ? – Chồng tôi vẫn biết tôi thương nhớ – Người ấy cho nên vẫn hững hờ – Nếu biết rằng tôi đã lấy chồng – Trời ơi người ấy có buồn không? – Có thăm nghĩ tới loài hoa vỡ – Tựa trái tim phai, tựa máu hồng – Cho tôi ép nốt dòng dư lệ – Nhỏ xuống thành thơ khóc chút duyên.*

Nhưng chàng thi sĩ có ngờ đâu không những cô Khánh không hề tỏ chút gì cảm động vì mối tình đau khổ, thủy chung của chàng, hoặc cảm ơn những bài thơ an ủi của chàng, mà trái lại cô còn gởi một bức thư vô cùng tàn nhẫn hằn học nào là “*Anh giết đời tôi, anh biết không?*” nào là anh mang chuyện cũ ra viết “*chẳng ích gì*”, cô lại còn tỏ ý khinh rẻ: “*Từ nay anh cứ đem thơ anh bán rao để kiếm chút hư vinh, nhưng anh hãy để tôi yên*” v.v...Bây giờ Thâm Tâm mới thức tỉnh, tìm lời bào chữa cho mình! Nào là: *...Anh biết cái gì xưa đã chết – Anh càng buồn, càng muốn viết thành thơ – Nhưng thôi: Mộng đang xanh, mộng hóa bơ phờ – Đây bài thơ chót kính dâng tặng bạn.* Thâm Tâm tự hạ mình viết kính dâng tặng bạn có ý xin lỗi chua chát người không phải là người yêu của mình nữa, và chàng đã viết: *Chim muốn bay, cũng giữ chẳng được nào!* (Nàng đã không muốn yêu nữa, thì giữ làm sao được?). Và: *Có gì đâu, khi bướm muốn xa cành !.*

Thâm Tâm không những đã tỉnh ngộ, mà lại còn uất hận vì thái độ khinh bạc của cô Khánh: *...Chiều nay lạnh, có nhiều sương rơi quá – Nhưng lòng Anh đã Bình Thân lại rồi – Hết đau buồn và cảm thấy sục sôi – Niềm Uất Hận của một thời lạc lối – Lấy nghệ thuật làm trò hề múa rối – Đem tài hoa cung phụng sóng mắt huyền – Để khẩn cầu xin một nụ cười duyên.*

Thâm Tâm tự thú nhận: *Lấy nghệ thuật văn thơ để làm trò hề múa rối*, (vì sự thật chẳng có gì cả) trong mấy bài thơ ký tên T.T.KH với mục đích “*Đem tài hoa cung phụng sóng mắt huyền, để khẩn cầu xin một nụ cười duyên*”. Để rồi, mai mỉa thay, nhận những lời khinh khi ngạo mạn, và hằn học của nàng. Đó là “*niềm uất hận*” của Tuấn Trình trong một thời “*lạc lối*” (làm đường lạc lối). Nhưng: *Thôi em nhé, từ đây anh cất bước – Em yên lòng vui hưởng cuộc đời vui...* Chàng hứa chấm dứt trò hề múa rối về văn thơ. Và nàng không mong gì hơn.

Để tôn trọng thực tế những sự kiện đã qua trong lịch sử hay trong văn học, để đừng xuyên tạc những chuyện không có, phải nói ngay rằng tên T.T.KH. không hề gọi một dư luận nào “xôn xao” ở thời tiền chiến, và cuộc tình duyên của Tuấn Trinh (Thâm Tâm) với cô Trần Thị Khánh không hề gây một xúc động nào về tâm lý cũng như về văn chương trong giới văn nghệ và giới trẻ thời bấy giờ.

Tôi chắc rằng những nhà văn thơ tiền chiến ở Hà Nội hiện còn sống tại Sài-Gòn, như các anh Vi Huyền Đắc, Lê Tràng Kiều, Tchya, Vũ Bằng...(cả các anh Nhất Linh và Lê Văn Trương vừa tạ thế mấy năm trước) đều phải hết sức ngạc nhiên thấy một vài người của thế hệ hậu chiến ở Sài-Gòn bỗng dựng tôn sùng ba tên T.T.KH thành một thần tượng và biến mối tình rất tầm thường, có thể nói là quá tầm thường của cô học trò cũ trường tiểu học Sinh-Tử, thành một thảm kịch của tình yêu.

Nguyễn Nhược Pháp, nhà ở gần nhà cô Khánh, chỉ cách năm, sáu căn, mà cũng không hề nghe nói đến cô này, và cũng không biết một tí gì về mối tình của một họa sĩ kiêm thi sĩ Tuấn Trinh hay Thâm Tâm, xảy ra cùng dãy phố với anh.

Cũng như người đàn bà tên Mộng Cầm, hiện là vợ một giáo chức ở Phan Rang, đã phủ nhận những chuyện người ta thêu dệt về mối tình bạn của bà, lúc còn là nữ y tá, với thi sĩ Hàn Mặc Tử :” *Tôi không thể yêu được một người bị bệnh cùi !*” Bà Mộng Cầm đã thẳng thắn nói thế, không thể trách bà được.

Đã hơn 70 năm, T.T.Kh. và chuyện tình thơ “Hai sắc hoa Ti Gôn” vẫn tươi nguyên màu bí ẩn Nguyễn Cẩm Xuyên

Hai sắc hoa ti gôn, bài thơ có số phận kì lạ và bí ẩn như chính tác giả của nó. Thật vậy, đã hơn 70 năm – đã gần qua một đời người với biết bao thăng trầm dâu bể mà chuyện tình thơ *Hai sắc hoa ti gôn* của *T.T.Kh* vẫn tươi nguyên màu bí ẩn; bài thơ vẫn tồn tại một câu hỏi chưa lời đáp: *T.T.Kh là ai?*

Có người đã nhận rằng *T.T.Kh* chính là người yêu của mình... vì thương nhớ mà viết thành thơ về mối tình ngang trái. Chẳng phải họ cố tình nhận bừa đầu mà là ngộ nhận trong tình huống gần giống nhau.

Kể từ đó đã có biết bao nhiêu bài viết về *T.T.Kh.* và *Hai sắc hoa ti gôn*; người ta xem xét từng góc cạnh, xét nét từng phong cách của bài thơ... Họ cho là cách viết này là phù hợp với học vấn của một học sinh trường Tây, cách viết kia mang khẩu vị của trường phái thơ “hành” v.v... Có người đã bỏ nhiều công sức để gặt gỡ kể mà họ ngờ là nhân vật trong thơ. Nhiều cuộc tranh cãi, bao nhiêu thắc mắc, bao nhiêu cuốn sách được xuất bản; rồi thư đi-tin lại, rồi giận hờn, trách móc... thậm chí người ta còn muốn vận đến luật pháp để luận tội người viết này người viết kia đã xâm phạm đến đời tư...(1).

Từ những rắc rối mịt mù ấy, người hay chữ nghĩa thì gọi nó là một *Nghi án Văn học*. Nghi án về một bài thơ có một số phận thật kì lạ.

Nói chuyện “kì lạ” của bài thơ là nói ở bước khởi đầu lên báo, bản thảo bài thơ đã bị thư kí tòa soạn vò đi, bỏ vào sọt giấy vụn để rồi qua một phút định mệnh lạ lùng nó lại lên mặt báo để thành một tiếng vang lớn trong làng thơ Việt. Hãy nghe Anh Chi kể :

“...Một buổi trưa, cuối năm 1937, ở tòa soạn báo Tiểu thuyết thứ bảy các đồng nghiệp trong tòa soạn đã ra về, chỉ còn lại Trúc Khê Ngô Văn Triện và Ngọc Giao. Trúc Khê còn nán lại để dịch “Truyện kì mạn lục” của Nguyễn Dữ ra quốc ngữ. Ngọc Giao đã tiến lại chỗ mắc áo để lấy mũ và ra về. Nhưng khi đó có tiếng kèn đám ma, đám tang đi qua phố Hàng Bông. Ngọc Giao là người rất sợ kèn đám ma nên mới nán lại thêm, cho xe đám đi qua đã. Đã khoác áo, đội mũ, nên ông kéo ghế ngồi tạm lại ở chỗ gần cái sọt đựng giấy vụn. Không biết điều gì xui khiến, ông đưa tay vào sọt, nhặt lên mấy tờ giấy bị vo tròn quăng vào sọt để chờ đi đổ xe rác. Tẩn mẩn, ông vuốt một tờ ra đọc. Đó là một tờ giấy học trò khổ nhỏ. Một bài thơ. Chữ viết nguệch ngoạc bằng bút chì, nét run, nét mờ, như thể viết ra một lần gửi đi luôn cho tòa báo. Lệ của cửa báo là lai cảo phải viết trên một mặt giấy sạch sẽ. Còn bài thơ nét chữ bút chì này lại viết trên cả hai mặt giấy. Nhưng, bài thơ đã khiến Ngọc Giao rung cảm lạ thường: Hai sắc hoa ti gôn của T.T.Kh! Ngọc Giao bước vội đến, đưa bài thơ cho Trúc Khê, yêu cầu ông đọc ngay. Trúc Khê thấy Ngọc Giao quá xúc động, cũng bỏ bút, cầm đọc bài thơ. Và ông đã cảm động, ngồi lặng đi, rồi đọc lại lần nữa. Ông già Trúc Khê vỗ tay xuống bàn, nói với Ngọc Giao: “Sao lại có bài thơ tuyệt đến thế này!”. Ngay sau đó, thư ký tòa soạn Ngọc Giao gọi ông cai thợ sắp chữ nhà in lên, bảo xếp chữ ngay bài thơ ấy. Và Hai sắc hoa ti gôn đi vào đời sống thi ca nước nhà... Kể câu chuyện tâm sự hơn sáu mươi năm cũ, nhà văn Ngọc Giao còn ghi vào cuốn sổ lưu niệm của một người bạn văn cùng thời: Phạm Văn Kỳ, cũng từng làm thư ký tòa soạn báo Tiểu thuyết thứ năm. Những dòng Ngọc Giao ghi vào lưu bút của Phạm Văn Kỳ là: “...Bài thơ ra đời trong hoàn cảnh bị bỏ rơi sọt rác như vậy đó. Nó càng được bạn đọc nhắc đến bao nhiêu, tôi càng ân hận về lỗi làm ăn cầu thả, sơ suất bấy nhiêu... Nếu không có cái đám ma qua phố thổi kèn rầu rĩ đó, thì tôi đã đội mũ lên đầu, không cúi xuống sọt rác... thì đóa hải đường “Hai sắc hoa ti gôn” đành an phận nằm trong đó, rồi người ta mang đi, theo thường lệ, người ta phóng lửa đốt tất cả... Trong đó, rất có thể cả những áng văn hay mà cái anh thư ký tòa soạn quan liêu nhác lười, cầu thả đã ném đi!”...(2)

Kể từ đó, năm 1937 – năm Hai sắc hoa ti gôn xuất hiện trên Tiểu thuyết thứ bảy - đến năm 1941 là năm Thi nhân Việt Nam của Hoài Thanh-Hoài Chân ra đời thì bài thơ đã có tuổi đời bốn năm. Lúc bấy giờ Thi nhân Việt Nam viết: “...xóm nhà văn bỗng xôn xao. Có đến mấy người nhất quyết T. T. Kh. chính là người yêu của mình. Và người ta đã phê bình rất náo nhiệt. Có kẻ không ngần ngại cho hai bài ấy là những áng thơ kiệt tác...”

“...Bốn năm đã qua từ ngày tờ báo vô tình hé mở cho ta một cõi lòng. Ai biết “con người vườn Thanh” bây giờ ra thế nào? Liệu rồi đây người có thể lẳng lặng ôm nỗi buồn riêng cho đến khi về chín suối?” (3)

Ấy chỉ là mới 4 năm, còn bây giờ đã là hơn 70 năm rồi mà người ta vẫn không ngớt tìm kiếm: T.T.Kh. là ai ?

Nghĩ cho kĩ nguyên nhân thì sở dĩ có chuyện rộn rã trong làng thơ như thế trước hết là vì bài thơ hay, hay vì cái tình của nó được bộc lộ rất “thực”, cái tình của một phụ nữ đã yêu và rồi có tình quên đi, đào sâu chôn chặt mối tình đau xót, bất hạnh nhất của mình (4) . Viết thơ lên báo rồi, người phụ nữ ấy cũng muốn ẩn giấu mình đi. Bài thơ hay ngay ở những câu thơ đầu: tình ý thơ ngây cho đến cuối bài thơ thì xót xa đau đớn lắm. Có câu, ý thơ bình dị, gần với suy tưởng, ngôn ngữ của quần chúng nên nhiều người đọc, nhiều người thuộc, kể cả một số người bình dân nhất cũng biết; nhiều câu lại cách điệu mang dáng vẻ hiện đại của thơ phương Tây:

“... Tôi sợ chiều thu phớt nắng mờ,
Chiều thu hoa đỏ rụng chiều thu,

*Gió về lạnh lẽo chân mây vắng.
Người ấy sang sông đứng ngóng đò.*

*

*Nếu biết rằng tôi đã lấy chồng,
Trời ơi! Người ấy có buồn không?
Có thăm nghĩ đến loài hoa vỡ,
Tựa trái tim phai, tựa máu hồng ?”*

Trong cuộc đời, mỗi ngày qua lại có biết bao mối tình tan vỡ nhưng đã có mấy ai viết được những vần thơ tả tình rất thực như *Hai sắc hoa ti gôn* ? Tình trong thơ gần gũi với cái tình chung của nhiều người lắm, nhất là lứa tuổi thanh niên. Lúc còn là học sinh trung học, có mấy ai là không chép chuyền tay cho nhau những bài thơ hay trong đó *Hai sắc hoa ti gôn* có lẽ là bài thơ không thể thiếu trong những cuốn sổ chép thơ nhỏ nhỏ...?

Trở lại vấn đề mà Hoài Thanh-Hoài Chân đã viết trong *Thi nhân Việt Nam* :” *Có đến mấy người nhất quyết T. T. Kh. chính là người yêu của mình...*”: Trước hết hãy nói đến nhà văn Thanh Châu, người khơi nguồn cho chuyện tình thơ: ngày 27/9/1937 , *Tiểu thuyết Thứ Bảy* số 174 đăng truyện ngắn "*Hoa ti gôn*" của Thanh Châu. Lúc này ông mới 25 tuổi, mới bước vào nghề văn khoảng 3 năm. Truyện kể một chuyện tình buồn của một họa sĩ: Họa sĩ Lê Chất đi tìm cảnh đẹp để vẽ mà cũng chính là đi tìm một thiếu nữ yêu kiều chàng mới gặp chiều qua: lúc đạp xe qua một biệt thự cũ, tình cờ thấy một thiếu nữ dưới giàn hoa ti gôn - người con gái mặc áo cánh lụa, hai má đỏ hồng với một vẻ đẹp cao quý, một vẻ đẹp rất hiếm hoi khiến người ta trông thấy một lần là nhớ mãi. Thiếu nữ vô tình, mỗi khi sắp vào nhà, mới trông thấy có người đứng nhìn mình. Từ đó, hôm nào chàng cũng đạp xe vào làng Mọc nhưng thiếu nữ động thấy bóng là lẩn vào nhà ngay. Lê Chất được gặp nàng vài lần nữa rồi thôi, ngôi nhà hình như vắng người và chỉ còn thấy có một ông già cuốc cỏ ở trong vườn. Những nhớ nhung cứ thế triền miên cả đến khi chàng đã trở nên giàu có. Một mùa đông, họa sĩ Chất đi vẽ ở vùng Vân Nam phủ. Trong một bữa tiệc, chàng chợt gặp lại người xưa. Tám năm rồi, nhưng quên làm sao được khuôn mặt người mình yêu. Mai Hạnh là tên thiếu phụ, nàng đã lấy một người chồng quyền thế và giàu có.

Những ngày sau, cuộc tình lãng mạn đã đến: nàng vẫn thường đến chỗ trọ thăm chàng. Hai người yêu nhau và như sống trong cơn mê. Mai Hạnh tuy cố chống chọi lại với ái tình nhưng sau cùng cũng nhận lời cùng Lê Chất sắp đặt để cùng trốn đi xa nhưng rồi cuối cùng lại vì sợ bị khinh bỉ, tai tiếng ở đời nên từ chối. Cuộc tình chấm dứt. Bốn năm sau, họa sĩ được báo tin: nàng đã chết.

Từ sau ngày đặt lên mồ người yêu những dây hoa ti gôn màu máu, hình quả tim vỡ cho đến cuối đời, cứ đến mùa hoa tigôn nở, không buổi sáng nào chàng không mua một ôm hoa ti gôn về để thay cho hoa cũ trong phòng vẽ...

Câu chuyện tình của Thanh Châu kết thúc. Hơn một tháng sau, tòa soạn *Tiểu thuyết thứ bảy* nhận được bài thơ "*Hai sắc hoa ti gôn*" ký tên *T. T. Kh.* do một thiếu nữ mang đến tòa soạn. *Bài thơ được đăng ngay trên số báo 179, ngày 30/10/1937.* Hai mươi ngày sau tòa soạn lại nhận được một bài thơ nữa: *Bài thơ thứ nhất* (đăng trên *Tiểu thuyết Thứ Bảy* số 182, ngày 20/11/1937). Khoảng chưa đầy một năm sau, tạp chí *Phụ nữ thời đàm* đăng bài thơ *Đan áo cho chồng*; bài thơ vừa đăng thì lại có thêm *Bài thơ cuối cùng* được gửi tới *Tiểu thuyết thứ bảy* (đăng trên số báo 217 ngày 23/7/1938). Cả thảy trước sau có bốn bài cùng kí tên: *T. T. Kh.*; rồi từ đó bặt luôn, các báo không còn nhận thêm bài thơ nào nữa.

Nhiều người ngờ lắm: Cuộc tình trong thơ khiến họ nghĩ ngay đến nhân vật chính của truyện *Hoa ti gôn*. Người khẳng định chắc chắn là nhà văn Thế Phong trong *Lược sử văn nghệ VN (Nxb Vàng Sơn - Saigon 1974)* đã cho rằng T. T. Kh. là người yêu của Thâm Tâm nhưng mới

đây, Thế Phong (soạn chung với nhà thơ Trần Nhật Thu, ký tắt : Thế Nhật) trong cuốn "*T.T.Kh. - Nàng là ai*" (Nxb Văn Hoá Thông Tin-1994) lại bác bỏ giả thiết đó và khẳng định: T.T.Kh. tên thật là Trần Thị Chung (Trần Thị Vân Chung), sinh ngày 25/8/1919 tại Thanh Hoá, nguyên là người yêu cũ của Thanh Châu sau đó vâng lời gia đình lấy luật sư Lê Ngọc Chấn. Ô. Trần Đình Thu trong cuốn "*Giải mã nghi án văn học*" (NXB Văn hóa Sài Gòn; 2007) cũng cho rằng T.T.Kh là Trần Thị Vân Chung nhưng đến nay thì hình như điều này là không đúng: Thanh Châu lúc gần cuối đời đã phủ nhận những đồn đoán; lời phủ nhận của Thanh Châu ít nhiều bộc lộ sự bất bình: "...*Không! Không phải! Bà Vân Chung không phải là T.T.Kh ... Toàn là bày vẽ chuyện*" (5). Bà Vân Chung lúc bấy giờ đang ở Pháp cũng viết thư về phản đối tác giả Thế Nhật và Trần Đình Thu đồng thời khẳng định mình không phải là *T.T.Kh.*(6).

Vậy là rõ; *T.T.Kh.* không phải là Vân Chung, hơn nữa các nhà nghiên cứu cũng đã đi quá xa để so sánh những nét tương đồng về nhân thân của Vân Chung với *T.T.Kh.* được cho là người yêu cũ của Thanh Châu, là nhân vật "tôi" trong bài thơ. Tỉ mỉ hơn một chút, so sánh truyện "*Hoa ti gôn*" với bài thơ "*Hai sắc hoa ti gôn*" thì chuyện tình được kể trong hai tác phẩm không giống nhau, một bên là thiếu phụ đã có chồng, yêu một chàng họa sĩ rồi ôm mối hận tình cho đến chết, một bên là một cô gái trẻ, vì sức ép của lễ giáo phải lấy một người chồng mình không yêu để rồi suốt cuộc đời phải chôn chặt trong tim mối tình riêng của mình... Điểm giống nhau duy nhất của hai tác phẩm chỉ là cả hai đều lấy hình tượng "*hoa ti gôn*", loài hoa có màu máu, hình quả tim vỡ làm biểu tượng cho tình yêu tan nát...

Gần đây ta lại biết thêm một chi tiết để có thể phủ nhận ước đoán trên: chuyện tình trong truyện ngắn "*Hoa ti gôn*" chẳng phải là chuyện tình của Thanh Châu với bà Trần Thị Vân Chung như một số người đã lầm tưởng mà đây chỉ là truyện được nhà văn Thanh Châu hư cấu nên từ cuộc đời thực của một người bạn làm họa sĩ: họa sĩ Lê Phổ, người đã tốt nghiệp khóa đầu của Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương, sinh năm 1907 và đã mất tại Pháp năm 2002. (7) ... Vậy nên chẳng: ta chỉ khẳng định được một điều là truyện ngắn "*Hoa ti gôn*" là nguồn cảm hứng để T.T.Kh. viết nên bài thơ "*Hai sắc hoa ti gôn*".

Thứ đến, hãy nói về nhà thơ Nguyễn Bính: khi đọc đến một đoạn của "*bài thơ thứ nhất*" – một đoạn thơ khá hay và nhiều ẩn ý: "...*Ở lại vườn Thanh có một mình/ Tôi yêu gió lạnh lúc tàn canh/ Yêu trăng lạnh lẽo rơi trên áo/ Yêu bóng chim xa , nắng lướt màn...*", Nguyễn đã đoán rằng T.T.Kh. là người mình yêu ở Thanh Hóa.

Số là Nguyễn Bính lúc trẻ đã bao lần lê gót viễn du suốt từ Nam chí Bắc. Một lần qua Thanh, gặp đêm mưa lớn, vào trọ một điền trang, được người lão bộc tiếp đãi. Nhà có khu vườn đẹp, trong nhà có cô gái trẻ đang ngồi quay tơ - mà ông gọi là "*Người vườn Thanh*" – Vốn là thi sinh đa tình, Nguyễn Bính xúc động lắm. Mấy năm sau, lại có dịp qua Thanh, tìm đến vườn xưa, lại được người lão bộc tiếp và kể cho nghe "một thiên hận tình" của cô chủ. Bẵng đi một thời gian, Nguyễn Bính chợt đọc được những bài thơ của T.T.Kh. trên *Tiểu thuyết thứ bảy* và đã viết bài "*Dòng dư lệ*" với những câu:

"...*Truyện xưa hồ lãng quên rồi,
Bỗng đâu xem được thơ người vườn Thanh.
Bao nhiêu oan khổ vì tình,
Có sao giống hết chuyện mình gặp xưa?
Phải chăng? Minh có nên ngờ,
Rằng người năm ngoái bây giờ là đây?."*

Viết *Dòng dư lệ*, Nguyễn Bính cho rằng "*Người vườn Thanh*" chính là *T.T.Kh.* Một số ít người đã nghĩ như Nguyễn Bính, nhiều người khác thì cho rằng đây chỉ là ngộ nhận của một thi sĩ đa tình.

Cục diện thế giới những năm kế tiếp nhiều biến động; ở Việt Nam, Nhật đảo chính Pháp, nạn đói Ất Dậu hoành hành, người chết như ngả rạ... Sau Cách mạng tháng Tám, ai cũng chỉ chú tâm vào cuộc giải phóng dân tộc; rồi kháng chiến trường kì gian khổ 9 năm bùng nổ... người ta quên đi chuyện tình thơ của T.T.Kh suốt một thời gian dài mãi đến năm 1969, ở miền Nam, thi-văn sĩ Nguyễn Vỹ - vốn là người đã ra làm báo trước 1945 ở Hà Nội- là bạn của Thâm Tâm, đã viết đến 15 trang (từ trang 253 đến trang 267) trong “*Văn-Thi-sĩ tiền chiến*” (Nxb Khai Trí - 1969) kể lại khá tỉ mỉ một chuyện tình: Khoảng tháng 2/1936, lúc bấy giờ Thâm Tâm là thi sĩ kiêm họa sĩ (họa sĩ Nguyễn Tuấn Trinh). mới 19 tuổi làm quen với cô gái tên Trần Thị Khánh 17 tuổi, nhà ở phố Sinh Từ, Hà Nội nơi vốn được trồng nhiều Antigone (hoa ti gôn). Nhà cô Khánh cũng gần vườn Thanh (THANH GIÁM: miếu thờ Khổng Tử được xây từ thời nhà Lý, lúc bấy giờ ngoài tên *Temple de Confucius* Pháp vẫn hay gọi nơi này là *Pagode des corbeaux* - chùa Quạ). Thâm Tâm hò hẹn tại nơi đây được hai lần thì cô Khánh bỏ đi lấy chồng - một người chồng giàu có - khiến Thâm Tâm rất đau khổ. Để đỡ niềm yêu nhớ đơn phương, bết mặc cảm vì bị người yêu phụ rẫy và cũng để làm cho mấy người bạn khỏi chế nhạo, đùa bỡn, chính Thâm Tâm đã thức suốt một đêm làm bài thơ *Hai sắc hoa ti gôn* rồi nhờ một cô em họ, con của một bà cô ở phố Cửa Nam chép bằng nét chữ con gái, bỏ vào bì niêm kín mang đến gửi tại tòa soạn *Tiểu thuyết thứ bảy*.

Trong những trang sách này, Nguyễn Vỹ cũng đã khẳng định chắc chắn rằng “*Cô Khánh không biết làm thơ. Cô chưa bao giờ làm thơ cả!*”. Tất cả những bài thơ kí tên T.T.Kh. đều do Thâm Tâm làm và gửi báo. Đọc kĩ những trang viết của *Văn-thi-sĩ tiền chiến*, ta hình dung được đây là những kỉ niệm kể khá chân thực qua hồi ức nhiều năm tháng của một đời làm báo. Chỉ tiếc một điều là Nguyễn Vỹ, người bạn thân thiết của Thâm Tâm đã ra đi bởi tai nạn xe ở Long An năm 1971 - hôm nay không thể cùng ai để bàn luận chuyện này nữa.

Đến 1970, Vũ Bằng trên tạp chí Văn số 103 lại đột nhiên công bố những điều mới, làm xôn xao dư luận: T.T.Kh. chính là nhà thơ J.Leiba (Lê Văn Bái) lúc bấy giờ bị lao phổi, đang chán đời bèn cùng với Vũ Bằng giả cách làm thơ rồi kí tên T.T.Kh. để làm trò vui, giải sầu...

Về sau, Mã Giang Lân cho rằng Vũ Bằng chỉ là người giỏi bịa chuyện.(8) Nhà văn Thanh Châu cũng nhận định tương tự: “*Những ai đã từng làm báo với họ Vũ cũng đều thuộc “ngón” làm ăn này của Vũ... Leiba là lớp trước Thâm Tâm, không quen biết gì nhau. Đây chỉ là cách làm báo phao tin “giật gân” cho chạy báo...*”. (9)

Đến năm 1989, nhằm trả lời câu hỏi *T.T.Kh. là ai?* Hoàng Tiến viết 2 bài; riêng bài trên báo Nhân dân chủ nhật ngày 23/ 7 đã nêu chứng cứ với người thật-việc thật như sau:

“...Số là vào dịp hội đền Bà Tấm năm nay (Kỷ Ty, 1989), chúng tôi rủ nhau sang Phú Thụy dự hội. Cùng đi có nhà thơ Lương Trúc, năm nay đã 74 tuổi (tên thật là Phạm Quang Hòa), bạn thân với các nhà thơ Thâm Tâm, Nguyễn Bính và Trần Huyền Trân. ...Nhà thơ Lương Trúc là người cung cấp tư liệu, và tất nhiên ông sẽ sẵn sàng chịu trách nhiệm về họ tên tác giả *Hai sắc Hoa ti-gôn* được công bố dưới đây. Cùng nghe hôm đó với tôi có nhà thơ Trần Lê Văn và nhà thơ Tú Sốt:

*T.T.Kh. tên thật là Trần Thị Khánh, người yêu của Thâm Tâm. Hai người yêu nhau, nhưng biết không lấy được nhau, hẹn giữ kín mối tình, để đỡ phiền đến gia đình của nhau sau này. Cô Khánh đọc *Tiểu thuyết thứ bảy* in truyện ngắn *Hoa ti-gôn* của Thanh Châu (số tháng 9-1937) xúc động, tự thổ lộ câu chuyện riêng bằng bài thơ *Hai sắc hoa ti-gôn* và gửi đăng *Tiểu thuyết thứ bảy*. ... Nay được biết T.T.Kh. về sống ở Thanh Hóa đã bốn năm nay, không biết bây giờ bà con hay mất, nhưng cứ xin phép cho chúng tôi được công bố điều bí mật trên...*”

Vậy là Hoàng Tiến tuy đồng ý với Nguyễn Vỹ về mối tình giữa Trần Thị Khánh với Thâm Tâm nhưng lại cho rằng bài thơ “*Hai sắc hoa ti gôn*” là do chính cô Khánh làm mang gửi báo..

Vậy là đến hôm vẫn mãi tồn tại câu hỏi : *T.T.Kh. là ai?* Hơn 70 năm rồi mà chưa ai tìm được lời giải xác đáng – và rồi mãi mãi ta cũng sẽ không tìm được bởi vì hiện giờ, ngoài Thâm Tâm-Nguyễn Vỹ ra thì tất cả những người có liên quan khác như Thanh Châu, Nguyễn Bính... đều không còn nữa kể cả những người bị cho là bịa chuyện như Vũ Bằng, J.Leiba cũng đã ra người thiên cổ. Chỉ còn lại T.T.Kh. là không biết còn hay mất? Nếu bà là có thật và còn ở trên cõi đời này thì kẻ hậu sinh hôm nay xin được thưa với bà rằng: chúng tôi rất trân trọng, trân trọng một nhân cách, trân trọng một cuộc tình thơ đã từng gây sóng gió trên thi đàn Việt Nam, trân trọng một hồn thơ lãng mạn của phong trào thơ mới bởi vì chính bà - chính T.T.Kh. đã có công cùng Chế Lan viên, Xuân Diệu, Thế Lữ, Lưu Trọng Lư, Hàn Mặc Tử... thổi vào thi đàn Việt Nam một luồng sinh khí mới./.

CHÚ THÍCH:

(1)&(6) "*Giải mã nghi án T.T.Kh. của Trần Đình Thu-Chưa rõ đúng sai nhưng chắc là phạm luật*"; VIỆT DUY – Paris, 20/3/2007 – Thanh Hải; Pháp luật 18/3/2007.

(2) "*Suyt nữa không có bài HAI SẮC HOA TI GÔN*"; Anh Chi; Tạp chí Khuyến Học&Dân Trí. Gần đây bài viết này được đăng lại trên Báo điện tử *Người đại biểu nhân dân* ngày 08/09/2008 và nhiều báo khác. *Sông Cửu Long online* cũng có bài tương tự với tựa đề "TRÚC KHẾ LÀ NHÂN CHỨNG BIẾT VỀ BÀI THƠ "HAI SẮC HOA TI GÔN".

(3) Hoài Thanh-Hoài Chân; *Thi nhân Việt Nam*.

(4)&(9) "*Nói thêm về T.T.Kh.*" – Thanh Châu ; www.thivien.com. ngày 06/06/2006.

(8) Văn nghệ số 13 - tháng 3 năm 1990,

(5) "*Nhà văn Thanh Châu ra đi, T.T.Kh vẫn bí ẩn!*" Trần Đình Thu; www.nld.com.vn ngày

13/5/2007

Phụ đính II:

Giai nhân Hà thành tiết lộ về tác giả bài thơ 'Hai sắc hoa ti gôn'

Một mùa thu trước, mỗi hoàng hôn
Nhặt cánh hoa rơi chẳng thấy buồn,
Nhuộm ánh nắng tà qua mái tóc,
Tôi chờ người đến với yêu đương.

Người ấy thường hay ngắm lạnh lùng
Dải đường xa vút bóng chiều phong,
Và phương trời thăm mờ sương, cát,
Tay vít dây hoa trắng chạnh lòng.

Người ấy thường hay vuốt tóc tôi,
Thở dài trong lúc thấy tôi vui,
Bảo rằng: "Hoa, đáng như tim vỡ,
Anh sợ tình ta cũng vỡ thôi!"

T.T.Kh

- Một ngày cuối tháng 5, tại căn nhà nằm khuất sâu trong con ngõ nhỏ Võ Thị Sáu, Hai Bà Trưng, Hà Nội, chúng tôi có dịp gặp gỡ bà Viên Thị Thuận, năm nay 94 tuổi, một trong những nữ sinh Đồng Khánh thuở nào.

Trường nữ sinh Đồng Khánh - Hà Nội (College de Jeunes Filles) được thành lập năm 1917, nay là trường THCS Trưng Vương - Hà Nội, là ngôi trường duy nhất của miền Bắc dành riêng cho nữ sinh tới cấp trung học.

Ngôi trường được xây dựng vào những thập niên đầu thế kỷ 20, khi vấn đề nữ quyền đang gặp nhiều rào cản của tư tưởng phong kiến.

Từ đây, nhiều tiểu thư khuê các nhanh chóng bước ra khỏi chốn “màn che trướng rủ” để nhập cuộc với thời đại, trở thành những nữ sinh Đồng Khánh có tiếng duyên dáng và nét na.

Trong số họ có rất nhiều người là bậc kỳ nữ tài hoa sau này, như giáo sư Lê Thị (Dương Thị Thoa) con gái GS Dương Quảng Hàm, nhà giáo Hoàng Xuân Sính - nữ tiến sĩ toán học đầu tiên ở Việt Nam...

Bên cạnh đó, trường Đồng Khánh còn được nhiều người biết đến là ngôi trường của những giai nhân...

Ngôi trường của những giai nhân

Trong tâm trí người Hà Nội xưa, trường nữ sinh Đồng Khánh nổi tiếng với những cô học trò xinh đẹp đầy mộng mơ, hồn thiên thướt tha trong tà áo dài đã trở thành một miền kí ức khó phai.

Một ngày cuối tháng 5, tại căn nhà nằm khuất sâu trong con ngõ nhỏ Võ Thị Sáu, Hai Bà Trưng, Hà Nội, chúng tôi có dịp gặp gỡ bà Viên Thị Thuận, năm nay 94 tuổi, một trong những nữ sinh Đồng Khánh thuở nào.



Bà Viên Thị Thuận. Ảnh: Diệu Bình

Thời gian dẫu nhuộm màu tuổi tác, nhưng vẻ quý phái, thanh tao của giai nhân Hà thành ngày đó vẫn toát ra từ người đàn bà ở tuổi cửu thập cổ lai hy này.

Bằng chất giọng nhỏ nhẹ với phong thái đoan trang, bà Thuận kể: “Muốn vào trường Đồng Khánh học, các học trò phải vượt qua các kỳ thi gặt gao, chỉ ai thực sự học giỏi mới đỗ được vào trường Đồng Khánh”.

Theo bà Thuận, ngày xưa nữ sinh Đồng Khánh được học toàn diện, họ không chỉ được dạy văn hóa, dạy tiếng Pháp mà còn được dạy nữ công gia chánh, hát, đàn piano, thể dục thể thao.



Lớp của bà Viên Thị Thuận khóa 1934 - 1942.

Ảnh: Nguyễn Lân Bình cung cấp

Bên cạnh đó, trường còn dạy thêu thùa may vá, cách tắm và chăm sóc cho trẻ sơ sinh, cách chi tiêu sao cho hợp lý bằng cách phân loại ra tiền điện, tiền nước, tiền ăn...

Ngày đó, nữ sinh Đồng Khánh nổi tiếng không chỉ thông minh, xinh đẹp mà còn hết sức nét na thủy mị. Ai cũng dịu dàng đài các, rất đỗi đa cảm nhưng vô cùng kín đáo, tế nhị. Dù có thích ai họ cũng chỉ giữ kín trong lòng hoặc gửi gắm vào những trang lưu bút.

Cựu nữ sinh Đồng Khánh cho biết: "Ngày đó cuộc sống của chúng tôi nói riêng và các tiểu thư đương thời nói chung rất lãng mạn. Chúng tôi thường đọc thơ và chép thơ vào những quyển lưu bút".

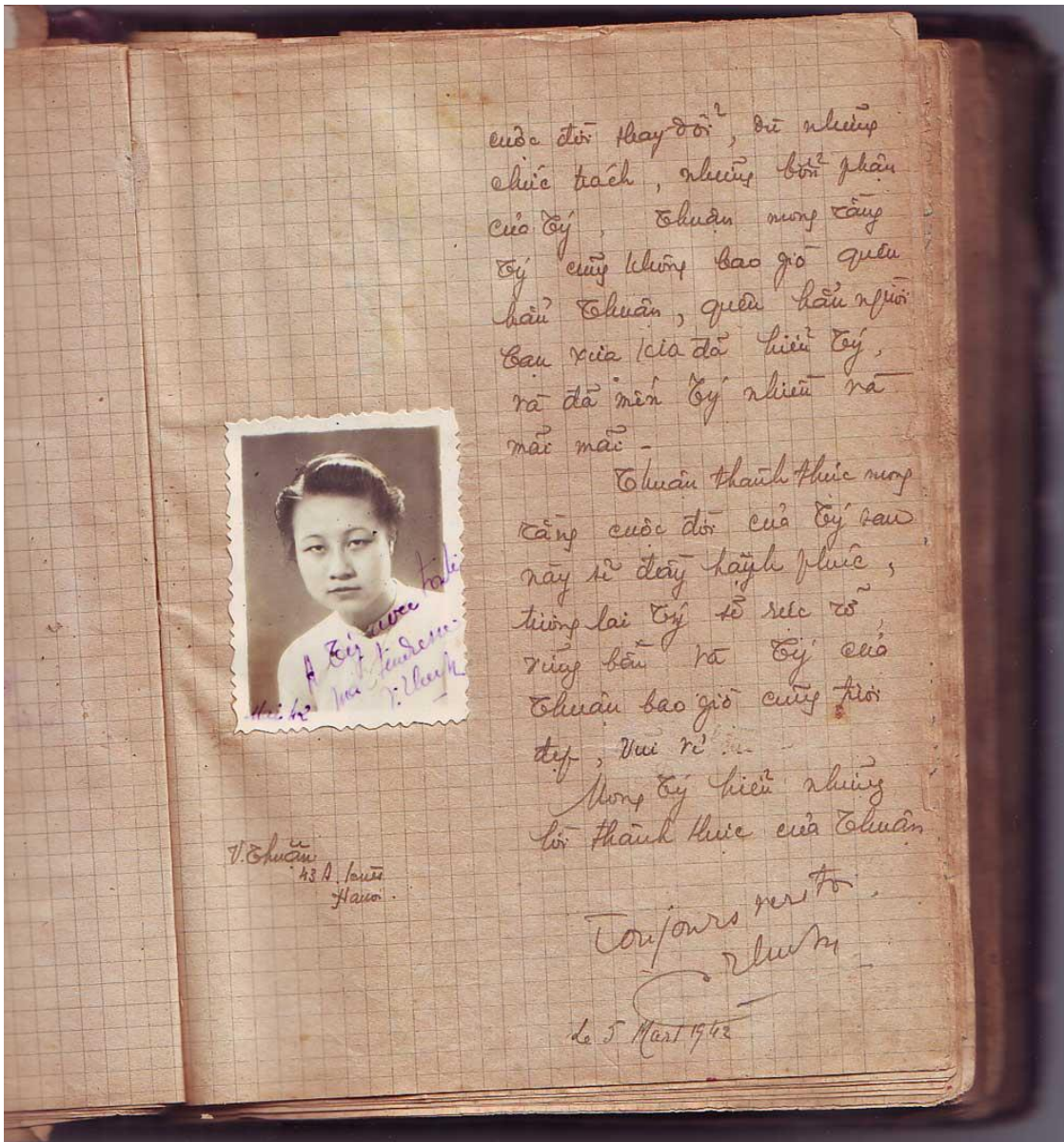
Một cô bạn cùng lớp bà Thuận, so với các bạn có phần cá tính, mạnh mẽ hơn nhưng tâm hồn cũng không kém phần lãng mạn, cô là con gái một bác sĩ.

Cô bạn này có tình cảm với thầy giáo dạy thể thao người Pháp, đẹp trai và phong độ. Bị các bạn trong lớp phát hiện, trêu đùa, cô thường hay ngượng ngùng.

Rồi mỗi tình đơn phương đó cũng sớm kết thúc khi thầy giáo kết hôn cùng người phụ nữ khác. Còn cô thì gửi nỗi buồn da diết của mỗi tình đầu tan vỡ vào những quyển sổ lưu bút.

Bà Viên Thị Thuận cho biết thêm, các nữ sinh Đồng Khánh thường mặc áo dài thướt tha, thả mái tóc dài mượt, gọn gẽ đến trường.

Đặc biệt, theo nội quy nhà trường, không ai được phép trang điểm khi đi học. Thế mà các nữ sinh Đồng Khánh lại rất đẹp, đẹp đến hút hồn khiến bao trái tim nam sinh các trường THPT, ĐH phải si mê, ngơ ngẩn.



Trang lưu bút bà Thuận viết cho người bạn học ở trường Đồng Khánh.
 Ảnh Nguyễn Lân Bình cung cấp

Theo đó nam nữ học riêng, buổi chiều tan học, nam sinh từ các trường khác thường mon men đến cổng trường Đồng Khánh, đứng ngắm, nhìn trộm từ xa lúc các cô gái tan học về. Hầu như chàng trai nào cũng mơ được làm quen với một nữ sinh Đồng Khánh. Họ coi đó là niềm hãnh diện, tự hào để khoe với bạn bè, nhưng điều này quả là chuyện khó, bởi mấy nữ sinh Đồng Khánh luôn lạnh như băng, thâm trầm như biển sâu. Với họ nữ sinh Đồng Khánh luôn là... một ẩn số.
 Giai nhân tiết lộ sự thật về tác giả bài thơ “Hai sắc hoa ti gôn”
 Bà Thuận cho biết, học sinh nữ từ các tỉnh miền Bắc về đây học tập, phần lớn là con gái gia đình trung lưu, có địa vị trong xã hội. Vào thời gian bà Thuận học năm 3 ở trường Đồng Khánh, có người bạn rất xinh đẹp, tên là **Phạm Thị Lý (SN 1922, quê ở Phủ Lý)**.

Người bạn này của bà được mệnh danh là hoa khôi trường Đồng Khánh, xinh đẹp, thông minh nhưng gia đình muốn bà lấy một người chồng bà không có tình cảm. Vốn có tâm hồn đa sầu, đa cảm nên khi phải lấy người mình không yêu, bà rất buồn bã.

Bà Viên Thị Thuận chia sẻ: “Cũng có thể trong lòng bà ấy đã có ý trung nhân nào khác nhưng ở thời kỳ nữ quyền vừa bắt đầu những bước đi đầu tiên, vẫn mang nặng tư tưởng phong kiến thì việc dành tình cảm cho người con trai nào đó, dẫu “tinh trong như đá, mặt ngoài còn e” là điều không thể. Nên khi phải về lấy chồng bà ấy rất buồn... Trước khi lấy chồng, bà Phạm Thị Lý đã sáng tác bài thơ 'Hai sắc hoa ti gôn' gửi đăng báo bằng bút danh TTKH, với mục đích giấu tên. Bà không ngờ được bài thơ mình sáng tác trong cái giây phút ngẫu hứng lại trở nên nổi tiếng cho đến ngày nay. Hôm đó, bà Lý cùng tôi đến tòa soạn gửi bài thơ rồi đi thẳng nên chẳng ai tìm được tác giả”.

Bà Thuận cũng cho biết thêm: “Trước khi gửi đăng báo, bà Lý từng đọc cho các bạn trong lớp nghe...”.



Bà Thuận lần giở những bức ảnh cũ lưu trên ipad. Ảnh: Diệu Bình

Sau này, rất nhiều giả thiết được đưa ra để xác định tác giả thực sự nhưng đều dừng lại ở mức độ nghi vấn, vì tác giả bài thơ chưa bao giờ lên tiếng xác nhận.

Hình như, dù là cuộc hôn nhân “ép buộc” nhưng cuộc đời bà lại vô cùng hạnh phúc. Có thể vì thế, những cảm xúc đầu đời cùng bài thơ "Hai sắc hoa ti gôn" được bà Lý cất gọn trong kí ức. Vợ chồng bà sinh được 10 người con, sau này bà theo chồng sang Mỹ định cư và mất ở tuổi 80. Và, tác giả của một bài thơ nổi tiếng giờ vẫn là bí ẩn trong văn đàn.

Một nữ sinh nổi tiếng khác của trường Đồng Khánh, không thể không nhắc đến là GS Lê Thị tên thật là Dương Thị Thoa, con gái của cố GS Dương Quảng Hàm.

Bà cùng các anh chị em được cha mẹ cho ăn học tử tế ngay từ khi còn nhỏ. Bà chính là một trong hai nữ sinh đã kéo cờ trong ngày độc lập đầu tiên tại Quảng trường Ba Đình lịch sử ngày 2/9/1945.

Gần 80 năm đã trôi qua, nữ sinh trường Đồng Khánh cùng khóa bà Thuận chỉ còn lại vài người. Nhưng mỗi dịp có cơ hội gặp gỡ, họ vẫn tranh thủ ngồi lại hàn huyên và ôn lại những kỉ niệm vàng son thừa nào...